

ĐỀ CƯƠNG
TÌM HIỂU VỀ CÁC DI TÍCH, ĐỊA CHỈ ĐỎ
VÀ CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

(Ban hành kèm theo kế hoạch 61/KH-PH ngày 08/12/2021 tổ chức hội thi tìm hiểu Di tích lịch sử - văn hóa, các địa chỉ đỏ và công trình trọng điểm trên địa bàn thành phố Thủ Đức chào mừng kỷ niệm 01 năm ngày thành lập thành phố Thủ Đức (01/01/2021 - 01/01/2022))

PHẦN I. CÁC DI TÍCH

DI TÍCH
“CĂN CỨ VÙNG BUNG 6 XÃ” TẠI KHU ĐỒNG MIẾU

Di tích Căn cứ vùng bung 6 xã tại khu Đồng Miếu, khu phố 3, phường An Phú, thành phố Thủ Đức thuộc loại di tích lịch sử:

Di tích lịch sử vùng bung 6 xã chọn khoanh vùng bảo vệ tại khu Đồng Miếu, phường An Phú, thành phố Thủ Đức có diện tích khoảng 1ha, bao gồm cả ngôi miếu Ngũ hành. Lối đi vào khu Đồng Miếu là đường đất đắp ngoằn ngoèo, chiều dài khoảng 1km, ven đường là các ruộng lúa, ruộng nước, cây dừa, cây bần ổi khu vực khoanh vùng bảo vệ để tái hiện lịch sử vùng bung tại phường An Phú sẽ là 1ha và miếu Ngũ hành (diện tích khoảng 300m) sẽ là một phần trong tổng thể đó. Miếu Ngũ hành còn có tên gọi khác là miếu Đông Thành, miếu Phú Hòa. Căn cứ theo niên đại còn khắc trên khám thờ tại tiền điện thì miếu được xây dựng từ năm Ất Ty (1905). Tại chính điện thờ Ngũ hành nương nương. Hai bên tả, hữu là khám thờ Tả ban và Hữu ban. Trước mặt tiền miếu là nơi thờ Phật Quan âm, anh hùng liệt sĩ.

1. Các hình thức sinh hoạt văn hóa - lễ hội

Di tích lịch sử căn cứ vùng bung 6 xã hiện nay còn miếu Đồng Miếu và các hàng dừa nước bao quanh, sau khi xếp hạng di tích sẽ thực hiện tôn tạo miếu và tái hiện một cách sinh động hiện thực lịch sử diễn ra tại khu vùng bung của xã An Phú (trước kia). Trước đình dựng bia nêu lịch sử hào hùng của vùng bung 6 xã huyện Thủ Đức nói chung và tinh thần yêu nước đồng lòng đánh giặc giải phóng quê hương của những người con An Phú nói riêng, và có thể tiến hành gắn bóa lịch sử tại nơi đã đặt những khẩu pháo ĐKZ bắn vào quân Mỹ - ngụy tại Sài Gòn, Hàng năm tại miếu có ngày vía Bà Ngũ hành nương nương vào ngày 23/03 âm lịch, bá tánh đến cúng viếng rất đông.

2. Giá trị của di tích

Di tích lịch sử căn cứ vùng bung 6 xã là địa bàn bám trụ chiến lược của huyện ủy, ủy ban nhân dân, lực lượng vũ trang và nhân dân vùng bung 6 xã trong 30 năm

chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Từ căn cứ vùng bung 6 xã huyện ủy đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến giành được thắng lợi vẻ vang góp phần cùng cả nước đánh bại hoàn toàn 2 đế quốc to nhất, tàn bạo nhất, xảo quyệt nhất, là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước. Căn cứ vùng bung 6 xã là địa bàn cơ động chiến lược vô cùng quan trọng của các lực lượng vũ trang từ xã, huyện đến tỉnh, quân khu và miền để uy hiếp và đánh vào cơ quan đầu não địch một cách táo bạo nhất, bất ngờ nhất, trong thời gian nhanh nhất, với khoảng cách ngắn nhất (cách trung tâm thành phố chỉ 5km theo đường chim bay, trong tầm hỏa lực ĐKZ của ta), đặc biệt là nơi xuất phát của lực lượng vũ trang tiến công vào thành phố Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu thân 1968 và chiến lược đại thắng mùa xuân 1975. Dưới sự lãnh đạo của huyện ủy, các lực lượng vũ trang và nhân dân vùng bung 6 xã đã đoàn kết một lòng, vượt qua mọi gian khổ hy sinh, kiên cường bám trụ xây dựng căn cứ, bảo vệ an toàn căn cứ và chiến đấu đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Hiện nay vùng bung 6 xã ở khu Đồng Miếu thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân phường An Phú.

DI TÍCH LỊCH SỬ “ĐÌNH AN PHÚ”

Đình An Phú là ngôi đình nhỏ, có diện tích khoảng 2.500m² tọa lạc trên địa bàn phường An Phú thành phố Thủ Đức. Các thành phần của đình gồm có: Miếu Ngũ hành; Miếu trung trình liệt nữ; Chánh điện: kích thước: 7,59mx7,07m; Tiền điện: kích thước: 7,79mx7,07m; Nhà túc: kích thước: 11,74mx7,97m và nhà bếp: kích thước: 5,50m x 4,7m. Thành phần chính của đình là tiền điện và chính điện, được nối liền với nhau, kết cấu theo kiểu kẻ chuyền – kiểu phổ biến ở miền Nam thế kỷ XIX. Ở chính điện bộ khung chịu lực vẫn giữ nguyên hình thức cũ, phần ngói lợp đã hỏng hiện thay bằng bằng tôn thiếc. Tiền điện mới được tu sửa năm 1992. Bao quanh tiền điện và chính điện là hàng hiên rộng 1,45m, có cột gạch, khoảng không gian này mang đậm nét phong cách kiến trúc dân tộc, kiến trúc miền nhiệt đới, chi tiết kiến trúc này hầu như chỉ còn thấy ở những công trình kiến trúc vùng ngoại ô thành phố.

Bài trí trong tiền điện và chính điện: An ngữ ngay cửa vào tiền điện là bàn thờ ông hồ, đây là bàn thờ thay cho bia ông hồ mà các ngôi đình khác ở miền Nam thường đặt ở mặt tiền. Sau bàn thờ ông hồ là bàn thờ hội đồng ngoại, bàn thờ hình vuông mỗi cạnh dài khoảng 1,4m, cao 1,36m. Hai bàn thờ hai bên bàn thờ hội đồng ngoại và bàn thờ hội đồng nội, bên trong cũng được tạo dáng tương tự. Đặc biệt, bàn thờ hội đồng nội bố trí ở trung tâm chính điện, xung quanh có cặp quy hạc, bộ bình khí, võng, long, phía trên đặt bài vị thần – một tác phẩm điêu khắc sắc xảo. Phía trong cùng theo trục chính là khám thờ thần xây bằng gạch, phía trên khám thờ treo màn trường màu đỏ, vàng, trong khám có bài vị để chữ Thần và một hộp kính để trang phục của thần. Hai bên bàn thờ thần còn những bàn thờ khác thờ tả ban, hữu ban, tiền hiền, hậu hiền, Quan Công, cửu thiên huyền nữ.

1. Các hiện vật trong di tích

Những hiện vật liên quan đến những sự kiện lịch sử giai đoạn chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ không còn được giữ lại trong đình: Trông, Mỗ, Tượng bạch mã nhỏ làm bằng gỗ, Tượng bạch mã lớn làm bằng gỗ, Cặp học bằng gỗ, Cặp quy bằng gỗ, Bàn thờ (hội đồng ngoại): bằng gỗ, vuông, mỗi cạnh 1,4m, cao 1,6m, có khắc chạm. 8. Bàn thờ (tả ban): bằng gỗ, tương tự bàn thờ hội đồng ngoại.

2. Giá trị di tích

Đình An Phú là một ngôi đình cổ xưa, trong suốt hai thời kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc (1945 – 1975) đình là cơ sở cách mạng an toàn. Đình đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử tiêu biểu diễn ra ở Sài Gòn nay là thành phố Hồ Chí Minh: Hoạt động sôi nổi rầm rộ của phong trào thanh niên tiên phong để chuẩn bị giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám năm 1945. Sự ra đời của chính quyền Việt Minh tại đây. Tinh thần kiên cường bất khuất của nhân dân An Phú nói riêng và nhân dân Gia Định - Sài Gòn nói chung trong những ngày đầu chống Pháp tái chiếm. Cuộc tấn

công và nổi dậy của quân và dân dịp tết Mậu Thân năm 1968. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Những sự kiện lịch sử trên không chỉ có ý nghĩa lớn đối với thành phố Hồ Chí Minh mà còn hết sức quan trọng đối với cả nước. Vì những lý do trên đình An Phú trở thành một di tích có giá trị lịch sử.

Đình An Phú hiện nay do Ban Quí tế của đình quản lý. Mọi việc bảo quản tu sửa đình đều do Ban Quí tế đứng ra tổ chức và đảm nhiệm.

DI TÍCH KIẾN TRÚC – NGHỆ THUẬT

“TU VIỆN HỘI DÒNG MẾN THÁNH GIÁ THỦ THIÊM”

Tu viện Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm thuộc loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật.

1. Sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc điểm của di tích

Từ điển Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã giải thích tên gọi Thủ Thiêm như sau: “Thủ Thiêm: Thủ là đồn canh dưới thời phong kiến và cũng là chức vụ để chỉ người đứng đầu một tổ chức, một đơn vị hành chính nào đó. Địa danh này đã có ở cuối thế kỷ XVIII”. Địa danh Thủ Thiêm được Tiến sĩ Nguyễn Thị Hậu giải thích thêm như sau: “Thủ Thiêm là một vùng quê ven sông Sài Gòn. Theo người dân địa phương, ban đầu nơi này được gọi là Thổ Thêm do vùng đất bồi mỗi ngày một cao thêm nhờ sông Sài Gòn. Dần dần người ta đổi thành Thủ Thiêm, đồng âm đầu với những vùng lân cận như Thủ Dầu Một, Thủ Đức còn từ Thêm thì đọc trại ra là Thiêm”. Theo Gia Định thành thông chí ghi lại: “Chợ Bình Quý (tục gọi chợ Thủ Thêm). Thuộc huyện Bình An, trước thuyền Tây dương cắm neo ở đây, dân ở đây theo đến mua bán thịt, trái cây thực phẩm”. Như vậy, tên gọi Thủ Thêm trước đây được đọc thành Thủ Thiêm. Bên cạnh đó, sách Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, trích dẫn Bản đồ Gia Định do Trần Văn Học vẽ năm 1815, đã thấy ghi tên vùng đất Thủ Thiêm. Và theo sách Địa bạ triều Nguyễn - Biên Hòa của Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, xứ Thủ Thiêm thuộc thôn An Tài, tổng An Thủy Thượng, huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa đã được lập địa bạ từ năm 1836. Qua đối chiếu về vị trí vùng đất trên bản đồ và tên gọi được ghi khá cụ thể Eng địa bạ, có thể đoán định vùng đất Thủ Thiêm xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Vào thời ấy, vùng Thủ Thiêm giáp bên sông Sài Gòn vẫn còn hoang vu, “sầu gảm cộp um”, địa hình trũng, nhiều đầm lầy, kênh, rạch, xẻo, diện tích đa phần là rừng cây ngập mặn. Dân cư sống thưa thớt trong những căn nhà nhỏ ven sông, sinh sống bằng các nghề trồng trọt, đánh bắt, sửa ghe, đưa đồ,.. Dần dần cư dân Thủ Thiêm đã ngày một đông thêm, họ bắt đầu hình thành các thôn làng, xây dựng các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo như đình, chùa, đền, miếu để thờ phụng vị Thần bảo hộ dân làng. Bên cạnh các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo của người Việt và một số cư dân bản địa thì họ đạo Thủ Thiêm cũng đã hình thành, giáo dân khoảng hơn mấy chục người. Khoảng năm 1840, các chị em của Hội Dòng Mến Thánh Giá đã đến cư ngụ tại vùng đất Thủ Thiêm, bên bờ Đông sông Sài Gòn. Trong cùng năm, các nữ tu xin phép Đức cha Étienne Théodore Cuenot (Đức cha Thể, 1840-1844) thành lập Tu viện của Hội dòng tại Thủ Thiêm. Linh mục Giuse Niên là cha bề trên đầu tiên của nhà dòng; bà Maria Phước (1840-1848) là bà Nhất tiên khởi của nhà dòng. Từ năm 1859 đến năm 1874, Hội dòng xây dựng hai ngôi nhà có gác để các nữ tu có thể đến cầu nguyện. Đến năm 1918, các ngôi nhà xuống cấp đã được xây dựng lại bằng các vật liệu kiên cố hơn. Năm 1927, Hội dòng khởi công xây dựng khối nhà Tập. Năm 1933, khối nhà Khẩn được xây dựng ở vị trí song song với khối nhà Tập. Kiến trúc nhà Tập và nhà Khẩn

được thiết kế tương đối giống nhau. Năm 1945, tu viện bị quân đội Pháp và quân đội đồng minh chiếm đóng, các nữ tu dời đến Bình Dương, đến năm 1947 thì trở về Thủ Thiêm. Năm 1952, xây dựng thêm các dãy phòng khám chữa bệnh. Năm 1953, xây dựng một số dãy phòng học và ký túc xá cho học sinh. Năm 1956, Hội dòng khởi công xây dựng công trình Nhà nguyện. Ngày 7 tháng 7 năm 1957, Đức cha Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền làm lễ khánh thành công trình trung học.

Từ năm 1957 đến năm 1958, xây dựng thêm trường tiểu học và trường Khoảng năm 1959 đến năm 1961, xây dựng nhà hưu dưỡng và nhà cơm, trùng tu và mở rộng nhà Tập và nhà Khấn. Ngày nay, Tu viện Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm vẫn hiện hữu giữa không gian mênh mông, với những dòng kênh, con rạch, cây cối bao quanh, lưu giữ giá trị lịch sử - văn hóa của một công trình kiến trúc cổ đô thị.

Phòng Truyền thống tại Tu viện hiện lưu giữ và trưng bày khá nhiều tài liệu, hiện vật liên quan đến quá trình lịch sử hình thành và phát triển của Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm. Ngoài ra còn một số hiện vật có giá trị lịch sử - văn hóa như: Chiếc đàn Piano ở nhà Nguyện, chuông đồng treo phía trước nhà nguyện và đặc biệt là các tập kỷ yếu của Hội dòng.

2. Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ của di tích

Ngày nay bán đảo Thủ Thiêm được biết đến như một đô thị hiện đại tương lai của thành phố. Nhờ vị trí độc đáo ở đối diện và cách khu vực lõi trung tâm Quận 1 một đoạn ngắn của sông Sài Gòn, những dấu tích cổ xưa của khu đô thị mới cũng mang lại cho cộng đồng dân cư cảm giác thân thiện, tạo ra sự gắn bó. Về giá trị lịch sử - văn hóa của Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, trong bài viết “Công trình nhà thờ Thủ Thiêm và Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm: Giá trị lịch sử và ý nghĩa”, Tiến sĩ Nguyễn Thị Hậu, Tổng thư ký Hội Khoa học lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: “Có thể nói Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm là một trong những cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng hình thành khá sớm trên vùng đất Thủ Thiêm. Sự hiện diện của cơ sở tôn giáo này có giá trị lịch sử quý giá vì đã đánh dấu giai đoạn đầu cư trú và sinh hoạt tinh thần của một cộng đồng dân cư, cùng với đó là hoạt động lao động sản xuất trên một vùng đất còn hoang vu, góp phần biến nơi này thành làng xóm trù phú”.

Về việc bảo tồn hai công trình tôn giáo Tu viện Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, Nhà thờ Thủ Thiêm trong bài viết “Cần xếp hạng di sản để bảo tồn hai công trình tôn giáo ở Thủ Thiêm”, Kiến trúc sư Nguyễn Trường Lưu - Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: “Tu viện Dòng Mến Thánh giá là không gian tuyệt vời cần bảo tồn. Đây là kiến trúc tiêu biểu cho một thời kỳ lịch sử. Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh hơn 300 năm thì di sản giá trị kiến trúc của Sài Gòn không chỉ ở trung tâm quận 1 mà nó còn nằm ở vùng lân cận. Đây là vốn rất đáng quý. Kết hợp với công trình Nhà thờ Thủ Thiêm, Tu viện Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm đã tạo thành một quần thể công trình tôn giáo mang đậm dấu ấn lịch sử - văn hóa của vùng đất Thủ Thiêm, là một trong những di sản gắn chặt với lịch sử hình thành và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

Tu viện Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm đã góp phần bảo tồn sự phong phú di sản kiến trúc cổ đô thị của thành phố. Công trình được lưu giữ là cơ sở tôn giáo trong khu đô thị mới Thủ Thiêm, là nơi sinh hoạt cộng đồng, dự thánh lễ của bà con giáo dân.

Hiện nay, tu viện do Nữ tu Maria Nguyễn Thị Bạch Tuyết – Tổng Phụ trách Tu viện Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm trực tiếp phụ trách, trông Nhìn chung, tổng quan kiến trúc công trình hiện nay vẫn được gìn giữ và bảo vệ tốt. Theo thời gian, tu viện đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, một số công trình được xây dựng mới đảm bảo tính kế thừa và đáp ứng nhu cầu phát triển.

DI TÍCH KIẾN TRÚC “NHÀ THỜ THỦ THIÊM”

Di tích có tên gọi là Nhà thờ Thủ Thiêm, hay Nhà thờ Giáo xứ Thủ Thiêm. Nhà thờ Thủ Thiêm tọa lạc tại số 58 Khu phố 1, phường Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà thờ Thủ Thiêm thuộc loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật.

1. Sự kiện, nhân vật lịch sử, đặc điểm của di tích

Từ điển Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã giải thích tên gọi Thủ Thiêm như sau: “Thủ Thiêm: Thủ là đồn canh dưới thời phong kiến và cũng là chức vụ để chỉ người đứng đầu một tổ chức, một đơn vị hành chính nào đó. Địa danh này đã có ở cuối thế kỷ XVIII”.

Địa danh Thủ Thiêm được Tiến sĩ Nguyễn Thị Hậu giải thích thêm như sau: “Thủ Thiêm là một vùng quê ven sông Sài Gòn. Theo người dân địa phương, ban đầu nơi này được gọi là Thô Thêm do vùng đất bồi mỗi ngày một cao thêm nhờ sông Sài Gòn. Dần dần người ta đổi thành Thủ Thiêm, đồng âm đầu với những vùng lân cận như Thủ Dầu Một, Thủ Đức còn từ Thêm thì đọc trại ra là Thiêm.

Theo Gia Định thành thông chí ghi lại: “Chợ Bình Quý (tục gọi chợ Thủ Thêm). Thuộc huyện Bình An, trước thuyền Tây dương cắm neo ở đây, dân ở đây theo đến mua bán thịt, trái cây thực phẩm”.

Như vậy, tên gọi Thủ Thêm trước đây được đọc thành Thủ Thiêm.

Bên cạnh đó, sách Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, trích dẫn Bản đồ Gia Định do Trần Văn Học vẽ năm 1815, đã thấy ghi tên vùng đất Thủ Thiêm.

Và sách Địa bạ triều Nguyễn – Biên Hòa của Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, xứ Thủ Thiêm thuộc thôn An Tài, tổng An Thủy Thượng, huyện Bình An, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa đã được lập địa bạ từ năm 1836.

Với tên gọi, vị trí được ghi trên bản đồ và diện tích được xác định cụ thể trong địa bạ, có thể đoán định vùng đất Thủ Thiêm xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX.

Vào thời ấy, vùng Thủ Thiêm giáp bên sông Sài Gòn vẫn còn hoang vu, “sâu gằm cộp um”, địa hình trũng, nhiều đầm lầy, kênh, rạch, xẻo, diện tích đa phần là rừng cây ngập mặn. Dân cư sống thưa thớt trong những căn nhà nhỏ ven sông, sinh sống bằng các nghề trồng trọt, đánh bắt, sửa ghe, đưa đò, ...

Dần dần cư dân Thủ Thiêm đã ngày một đông thêm, họ bắt đầu hình thành các thôn làng, xây dựng các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo như đình, chùa, đền, miếu để thờ phụng vị Thần bảo hộ dân làng. Bên cạnh các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo truyền thống của người Việt và một số cư dân bản địa thì họ đạo Thủ Thiêm cũng đã hình thành, giáo dân khoảng hơn mấy chục người.

Tháng 2 năm 1859, sau khi Pháp chiếm Sài Gòn, các thừa sai Pháp bắt đầu xây dựng lại các cơ sở ở giáo phận Tây Đàng Trong. Họ đạo Thủ Thiêm sau thời gian Pháp đánh chiếm đã trở về đất Thủ Thiêm bắt đầu xây dựng cơ sở và phát triển cộng đoàn. Tại thành phố Sài Gòn, nhiều công trình kiến trúc Công giáo được xây dựng khắp Sài Gòn, gồm có: Nữ đan viện Cát Minh (1862), Nhà thờ Chợ Lớn (1870), Nhà thờ Thị Nghè (1875), Tân Định (1876), nhà thờ Đức Bà Sài Gòn (1880),

Tháng 4 năm 1859, Đức cha Lefebvre (Đức cha Ngãi) bổ nhiệm Linh mục Gabriel Nguyễn Khắc Thành (1859-1869) làm cha sở chính thức họ đạo Thủ Thiêm. Trên nền kiến trúc cũ, Linh mục cho xây dựng ngôi nhà nguyện nhỏ để giáo dân dâng thánh lễ. Nhà nguyện đầu tiên của họ đạo hình thành tại bờ Đông sông Sài Gòn.

Năm 1865, họ đạo Thủ Thiêm khởi công xây dựng Nhà thờ và khánh thành công trình trong cùng năm. Kiến trúc ngôi Nhà thờ được thiết kế theo dạng hình thánh giá, với kết cấu cột gỗ, tường gạch và mái ngói. Vào thời điểm đó Nhà thờ Thủ Thiêm rất khang trang và đẹp mắt, là niềm tự hào của các giáo dân trong họ đạo. Tháng 11 năm 1869, khi họ đạo Thủ Thiêm đã ổn định, Linh mục được cử đến Tha La, Bàu Tre, Bến Gỗ.

Linh mục Thinselin Louis Jules (tên Việt Nam là Thịnh) được phân công phụ trách họ đạo Thủ Thiêm đến tháng 7 năm 1971.

Linh mục Péguet Jean Claude (tên Việt Nam là Phước) nhận trách nhiệm phụ trách họ đạo Thủ Thiêm từ khoảng cuối năm 1871 đến tháng 9 năm 1873. Linh mục mất ngày 17 tháng 10 năm 1873 và được an táng trong Nhà thờ Thủ Thiêm.

Linh mục Montmayeur Louis Philippe (tên Việt Nam là Phước) phụ trách họ Đạo Thủ Thiêm từ tháng 3 năm 1874 đến tháng 12 năm 1917. Trong khoảng thời gian quản trị và chăm sóc họ đạo, Linh mục Montmayeur đã cho xây dựng một cô nhi viện và hai trường học khoảng năm 1875, người dân trong vùng thường gọi là trường Nam và trường Nữ. Các cơ sở này, được quý dì Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm quản lý và chăm sóc. Khoảng năm 1885, Linh mục xây dựng lại ngôi nhà thờ và xây dựng thêm khối Nhà xứ trong khuôn viên nhà thờ. Linh mục mất ngày 20 tháng 12 năm 1917 và được an táng tại Nhà thờ Thủ Thiêm.

Linh mục Lambert Leson Marie Joseph (tên Việt Nam là Lương) được bổ nhiệm cha sở họ đạo Thủ Thiêm từ tháng 12 năm 1917. Với trách nhiệm của mình, Linh mục đã xây dựng lại trường Nam và trường Nữ kiên cố và rộng rãi hơn.

Ngày 25 tháng 5 năm 1921, Đức Giám mục Victor Carolus Quinton ký Sắc lệnh nâng họ đạo Thủ Thiêm thành xứ đạo Thủ Thiêm, là xứ đạo trong tỉnh Gia Định. Xứ đạo Thủ Thiêm nằm trong ranh giới các làng An Lợi xã, An Lợi Đông, Bình Khánh. Nhà thờ Thủ Thiêm được nâng lên thành Nhà thờ Giáo xứ Thủ Thiêm. Vị Thánh bổn mạng của nhà thờ là Thánh Phêrô và Thánh Phaolô.

Năm 1924, Giáo phận Tây Đàng Trong đổi tên thành Giáo phận Sài Gòn. Sinh hoạt tôn giáo của Giáo xứ Thủ Thiêm thuộc quản lý của Giáo phận Sài Gòn.

Năm 1930, Linh mục Lambert xây dựng tháp chuông phía bên phải ngôi nhà thờ.

Linh mục Alexandre Marie Joseph kế nhiệm Linh mục Lambert phụ trách và xây dựng họ đạo Thủ Thiêm, tiếp tục truyền dạy và khơi dậy lòng đạo đức của các giáo dân. Linh mục Phanxicô Xavie Trần Thanh Khâm được bổ nhiệm làm cha sở họ đạo Thủ Thiêm và Bề trên Hội dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm. Linh mục thường tổ chức những buổi sinh hoạt cho giới trẻ và nhất là chăm lo đến các trường học của họ đạo. Năm 1953, Linh mục nhận nhiệm vụ Bề trên Hội dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán.

Linh mục Phao lô Huỳnh Ngọc Tiên làm Tổng Giám thị và Giáo sư đặc trách cổ ngữ Latinh tại Đại Chung viện Thánh Giuse từ năm 1947 đến năm 1953. Tháng 9 năm 1953, Đức cha Cassaigne bổ nhiệm Linh mục làm chánh xứ Thủ Thiêm và là Bề trên Hội dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm. Trong khoảng thời gian ở Thủ Thiêm, Linh mục đã có nhiều đóng góp cho việc trùng tu xây dựng nhà thờ và thường xuyên quan tâm đến việc học tập của thiếu nhi trong họ đạo. Năm 1955, Linh mục cho trùng tu xây dựng toàn bộ ngôi nhà thờ. Ngày 28 tháng 10 năm 1956, Đức cha Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền đã làm lễ khánh thành nhà thờ.

Ngày 24 tháng 11 năm 1960, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII thành lập hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam với ba giáo tỉnh Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Sài Gòn lúc này là trung tâm chính trị và công giáo ở miền Nam nên trở thành Tổng giáo phận Sài Gòn. Giám mục Nguyễn Văn Bình trở thành vị Tổng Giám.

mục đầu tiên của Tổng giáo phận vào năm 1961. Vào thời gian này, họ đạo Thủ Thiêm trực thuộc Tổng giáo phận Sài Gòn.

Linh mục Augustinô Nguyễn Văn Lục được bổ nhiệm là chánh xứ Thủ Thiêm ngày 22 tháng 9 năm 1968, trong thời gian phục vụ tại họ đạo Linh mục đã cho trùng tu lại nền Nhà thờ, sửa sang lại bàn thờ, lắp đặt thêm các cửa kính, thay xà gồ mái. Từ tháng 4 năm 1970, Linh mục Augustinô và Linh mục phụ tá Gioan Kim Khẩu Tri Công Vị tổ chức in ấn và phát hành “Nội san họ đạo Thủ Thiêm”. Năm 1972, Tổng Giám mục Sài Gòn cho phép Linh mục Augustinô xây dựng giáo điểm An Lợi Đông (nay là Nhà nguyện Thánh Tâm, phường An Lợi Đông). Đồng thời Linh mục còn giữ vai trò là Linh giám đối với Hội dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm. Linh mục đã nhiều đóng góp trong việc hướng cho quý gì về phương diện tu đức, gieo cho quý di tinh thần Giống Chúa và Mến Chúa, giúp sức cho việc phát triển Tu viện.

Sau khi thống nhất đất nước, năm 1976 Sài Gòn được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh vì vậy cũng trong năm này Tòa thánh đã đổi tên Tổng giáo phận Sài Gòn thành Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà thờ Thủ Thiêm hoạt động theo điều hành của Tòa Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh. Linh mục Phanxicô Xavie Nguyễn Ngọc Thu được bổ nhiệm làm chánh xứ giáo xứ Thủ Thiêm vào ngày 24 tháng 11 năm 1991. Kể nhiệm vụ của các chánh xứ trong việc tôn tạo, phát triển nhà thờ. Năm 1992, Linh mục cho xây tường rào, trong khuôn viên nhà thờ xây dựng tượng Đức Mẹ và tượng Thánh Giuse,

xây dựng lên dãy phòng học giáo lý bằng tường gạch lợp mái tôn, lát gạch toàn bộ sân và trồng thêm hoa kiểng. Gia cố trần nhà thờ và thay toàn bộ tấm lợp fibro xi măng bằng mái tôn. Bên trong nhà thờ đặt thêm bàn ghế, lắp đặt thêm hệ thống âm thanh, ánh sáng và quạt. Năm 1994 1997, Linh mục cho tôn tạo cung thánh tượng Chúa chịu nạn trên thánh giá cao 3m, trang trí thêm trên tường cung thánh phù điêu Bàn Tiệc ly và phù điêu Chúa Giêsu giảng dạy cho trẻ em. Bên cạnh đó xây dựng nhà để xe, đồng thời tạo khuôn viên sinh hoạt cho thiếu nhi. Năm 2002, Linh mục được chuyển chuyên và bổ nhiệm làm chánh xứ Phaolô III.

Linh mục Gioan Baotixita Lê Đăng Niêm được Tổng Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn (điều hành Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1998 đến năm 2013) bổ nhiệm làm chánh xứ Thủ Thiêm vào ngày 27 tháng 01 năm 2002. Linh mục đã bầu Ban Thường vụ Hội đồng mục vụ giáo xứ. Năm 2003, xây dựng và khánh thành nhà hải cốt lưu giữ hơn 1.600 hải cốt của các linh mục và giáo dân. Năm 2006, xây dựng và khánh thành Nhà chầu Thánh Thể, nâng cao và thẩm nhạ toàn bộ sân nền nhà thờ. Đặc biệt để Kỷ niệm 150 năm thành lập giáo xứ, Linh mục cho trùng tu lại toàn bộ nhà thờ. Tháng 3 năm 2008, khôi Nhà xứ được gia cố, sửa chữa khang trang, toàn bộ nền ngôi nhà thờ được lát đá granit, trùng tu, nâng cấp dãy phòng học giáo lý, xây dựng hội trường. Linh mục thường xuyên chăm lo cho các con em họ đạo từ bữa ăn sáng đến việc học tập giáo lý. Vì tuổi cao sức yếu Linh mục mất ngày 30 tháng 4 năm 2019.

Hiện nay, Nhà thờ giáo xứ Thủ Thiêm do Linh mục Vinh Sơn Nguyễn Văn Hồng làm chánh xứ. Đức Giám quản Giuse Đỗ Mạnh Hùng đã làm Thánh lễ bổ nhiệm Linh mục làm chánh xứ Thủ Thiêm vào ngày 31 tháng 8 năm 2019.

2. Hoạt động chính và những sinh hoạt liên quan đến di tích:

Hàng ngày tại Nhà thờ Thủ Thiêm có 01 lễ cầu nguyện, được tổ chức vào lúc 17 giờ.

Mỗi chủ nhật tại nhà thờ có 03 lễ cầu nguyện, được tổ chức vào lúc 5 giờ, 7 giờ và 17 giờ.

Ngày 13 hàng tháng tại nhà thờ có 01 lễ cầu nguyện, được tổ chức vào lúc 10 giờ 30 phút. Hàng năm, Nhà thờ Thủ Thiêm tổ chức long trọng các ngày lễ:

- Lễ Phục sinh thường diễn ra vào tháng 3 hoặc tháng 4 mỗi năm và luôn luôn rơi vào Chủ nhật.

- Lễ Chúa Thánh thần hiện xuống, đây là một ngày lễ trọng đại của người Công giáo, thường được cử hành vào ngày thứ năm mươi bắt đầu ngày lễ Phục sinh.

- Lễ Bỏ mạng giáo xứ được tổ chức ngày 29 tháng 6.

- Lễ Kỷ niệm Đức Mẹ hồn và xác lên trời thường được tổ chức vào ngày 15 tháng 8.

- Lễ các Thánh cũng là một trong những lễ quan trọng, để các tín hữu Công giáo tôn vinh tất cả các vị Thánh và tâm niệm làm những việc lành phúc đức, lễ thường được tổ chức vào ngày 01 tháng 11.

- Lễ Giáng sinh, thường được tổ chức cố định vào ngày 24-25 tháng 12.
- Lễ giỗ các vị Linh mục quá cố.

Nhà thờ Thủ Thiêm thường xuyên tổ chức các lớp giáo lý về Rước lễ lần đầu, Thêm sức, Bao đôn, Vào đời, Hôn nhân, Tân tòng.

Ngoài ra, Nhà thờ Thủ Thiêm còn thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện tại địa phương, tặng quà và học bổng cho học sinh nghèo, chăm lo thăm hỏi những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, người già neo đơn.

KHẢO TẢ DI TÍCH

Nhà thờ Thủ Thiêm hiện hữu tọa lạc giáp bên sông Sài Gòn, giữa lòng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, tạo điểm nhấn về lịch sử và văn hóa cho bán đảo Thủ Thiêm đang phát triển không ngừng.

Nhà thờ Thủ Thiêm có diện tích khoảng 4189,6m² (theo bản đồ địa chính phường Thủ Thiêm, Quận 2, tờ bản đồ số 3, tài liệu đo năm 2001). Mặt bằng tổng thể di tích gồm có: Tường bao, sân, ngôi Nhà thờ, khối Nhà xứ, Tháp chuông, Nhà khách, Nhà Hải cốt, Hội trường và một số nhà phụ trợ. Các công trình được xây dựng bằng gỗ, ngói và vật liệu hiện đại (gạch, vữa, sắt, thép, ...).

Trên diện tích tổng thể, khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích Nhà thờ Thủ Thiêm chiếm diện tích khoảng 2757,4m, trong đó gồm hai khu vực:

Khu vực bảo vệ 1 của di tích:

Khu vực bảo vệ I của Nhà thờ Thủ Thiêm là khu vực bao gồm ngôi Nhà thờ, khối Nhà xứ, Tháp chuông là những công trình trọng yếu, mang đậm nét kiến trúc đô thị những năm đầu đến giữa thế kỷ XX.

Trên trục chính (trục dọc) của công trình, tính từ cổng hướng vào trong khuôn viên, nhà thờ gồm có cổng và ngôi nhà thờ.

Cổng ở mặt trước nhà thờ giáp đường nhựa, các mặt bên giáp đất thổ cư. Cổng có cấu trúc gồm bốn cột trụ hình vuông, cạnh 0,3-0,4m, cao 1,5-2,0m, đỉnh trụ hình chóp, đầu trụ và đế trụ được làm giắt cấp, ở giữa lắp cửa sắt hai cánh, dạng thượng song hạ bản và hai bên lắp cửa sắt nhỏ mở vào trong. Bảng tên gắn giữa hai trụ cổng đề các chữ:

Tiếp nối với cổng là sân trong khuôn viên nhà thờ. Sân được thảm nhựa. Bên trong tường rào, phía bên trái và bên phải sân là gốc sù và gốc lộc vừng có thân dáng uốn lượn tuyệt đẹp.

Nhà thờ được xây dựng trên nền cao, ở vị trí trung tâm khuôn viên sân vườn trồng nhiều cây kiểng, chính diện hơi chếch về hướng Tây Bắc. Mặt bằng kiến trúc nhà thờ gồm tiền sảnh, lòng nhà thờ, cánh ngang, Cung Thánh. Hệ thống mái tôn có kết cấu tạo độ dốc cao. Hai mặt bên nhà thờ, hệ thống cửa ra vào và cửa sổ có cấu tạo dạng vòm, được kết nối với vách tường thiết kế các ô thông gió, có dạng hình học. Cấu trúc này nhằm tận dụng tối đa ánh sáng và sự lưu thông không khí tự nhiên.

Mái đón là kiến trúc tạo điểm nhấn riêng của Nhà thờ Thủ Thiêm. Mái đón được thiết kế nhô ra khỏi mặt đứng ngôi nhà thờ, kiến trúc gồm tầng trệt và hai tầng lầu. Tầng trệt được chia thành ba gian, hai tầng lầu được xây dựng nhỏ dần khi lên cao. Các tầng mái sơn màu đỏ nổi bật trên nền tường sơn màu vàng. Bên dưới các tầng mái trang trí các lam gió hoa văn chữ thập lồng bên trong hình vuông, các lam gió được sơn màu trắng. Giữa tầng thứ hai đặt hai bức tượng thánh Phêrô và thánh

Phaolô, hai thánh bốn mạng của giáo xứ. Tầng trên cùng đặt tượng chim bồ câu làm biểu tượng cho Chúa Thánh Thần.

Cửa chính ngôi Nhà thờ được thiết kế dạng cửa lùa, hai cánh cửa bằng sắt, có bảng lớn và dày, cao sừng sững, được sơn màu đen. Bề mặt cửa chia các ô vuông, trong mỗi ô đúc nổi các lớp ô vuông giạt cấp. Hai bên cửa chính trang trí bệ tượng thiên thần.

Bên trong nhà thờ, trần được làm cao tạo sự thông thoáng cho không gian bên trong nhà thờ. Trần có cấu tạo dạng vòm, được vuốt nhẹ ở bốn góc giao nhau của khối nhà dọc và khối nhà ngang. Không gian chính bên trong nhà thờ gồm có tiền sảnh, lòng nhà thờ và cung thánh”.

Tiền sảnh là khu vực tiếp giáp với cửa chính vào nhà thờ. Mặt dựng tiền sảnh được xây dựng vút lên cao, trên đỉnh đặt biểu tượng thánh giá. Hai bên vách mặt dựng có các ô thông gió dạng hình học. Tại tiền sảnh, khám thờ Đức Mẹ Thánh Tâm được bố trí đăng đối với tượng Chúa Giêsu chịu phép rửa. Tượng được đặt trên bệ hình tứ giác, sơn màu hồng, mặt bệ hình chữ nhật, sơn màu trắng. Phía trước tượng Chúa Giêsu chịu phép rửa là giếng rửa tội.

Bên phải tiền sảnh, Giếng rửa tội được thiết kế hình bát giác, mặt ngoài ốp đá granit. Miệng giếng và các trang trí hình học trên thân giếng được ốp đá granit màu trắng. Thân giếng và chân đế được ốp đá granit màu vàng.

Tòa giải tội cũng được đặt ở bên phải tiền sảnh. Tòa giải tội có hình dạng khá giống bức vách ngăn, được làm bằng gỗ. Cấu tạo tòa giải tội gồm chân song ngăn cách, bàn đỡ và bọc quỳ. Chân song có khăn che bằng vải.

Gác đàn được thiết kế dạng tầng lửng phía trên tiền sảnh, chính diện hướng về cung thánh. Một cánh cửa nhỏ bên vách trái tiền diện là lối lên gác đàn. Cầu thang lên gác đàn được đổ bê tông. Gác đàn có cấu tạo mặt sàn bê tông, phía trước xây các trụ hình vuông và lắp chân song bằng sắt.

Lòng nhà thờ nối liền với tiền sảnh. Ở lòng nhà thờ bố trí bốn dãy ghế dài thẳng tắp và ngay ngắn. Lối đi chính ở giữa hai dãy ghế thứ 2 và thứ 3 nối thẳng từ tiền sảnh đến cung thánh. Hành lang được thiết kế chạy dọc theo hai bên lòng nhà thờ. Phía dưới trần tường hai bên lòng nhà thờ, trang trí 14 bức phù điêu phác họa “Mười bốn chặng đường thánh giá” của Chúa Giêsu, gồm có: Phù điêu húa Giêsu chịu xử án; Phù điêu Chúa Giêsu vác thánh giá; Phù điêu Chúa Giêsu ngã xuống đất lần thứ nhất; Phù điêu Chúa Giêsu gặp Đức Mẹ; Phù điêu ông Simon vác đỡ thánh giá với Chúa Giêsu; Phù điêu bà Veronica lau mặt Chúa; Phù điêu Chúa Giêsu ngã xuống đất lần thứ hai; Phù điêu Phụ nữ thành Giêrusalem than khóc chúa; Phù điêu Chúa Giê su ngã xuống đất lần thứ ba; Phù điêu Quân dữ lột áo chúa Giêsu; Phù điêu Chúa Giê su chịu đóng đinh vào thập giá; Phù điêu Chúa Giê su chết trên thập giá; Phù điêu Môn đệ tháo định Chúa Giêsu; Phù điêu Táng xác Chúa Giêsu.

Các dãy ghế đặt ở lòng nhà thờ có cấu tạo dạng ghế dài có bàn quỳ. Ghế được làm bằng các loại gỗ quý, bề mặt ghế phủ véc ni, trên mặt bàn quỳ đặt thêm lớp đệm mút. Đặc điểm này giúp cho các tư thế phụng vụ thánh lễ (quỳ đứng - ngồi) của giáo dân được thuận tiện hơn. Các dãy ghế đều được đặt hướng về Cung Thánh.

Cánh ngang là không gian giữa lòng nhà thờ và Cung Thánh. Bên trái cánh ngang, ở vị trí chính giữa đặt bệ thờ Chúa Giêsu, bên trái là bệ thờ 117 vị Thánh Tử đạo Việt Nam và biểu tượng Thánh tích, bên phải là chân dung và bức trưng bày biểu tượng Thánh tích của Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Bên phải cánh ngang, ở vị trí chính giữa là bệ thờ Đức Mẹ bông Chúa, bên phải là tượng Thánh nữ Têrêsa hài đồng Giêsu. Vách tường phía sau bệ thờ Chúa Giêsu và bệ thờ Đức Mẹ bông Chúa được ốp gạch men màu cam. Bên trái cánh ngang, hàng ghế ca đoàn và đàn organ được bố trí quay về Cung Thánh. Tại cánh ngang được bố trí hai dãy ghế dài đồng dạng với ghế ở đại sảnh.

Cung Thánh được thiết kế trang trọng trên cấp nền cao. Vách tường Cung Thánh được sơn màu vàng. Nền Cung Thánh lát gạch men màu cam và các đường biên lát đá granit màu hồng. Với ba gam màu chủ đạo là vàng, cam và hồng tạo cảm giác trầm ấm cho không gian Cung Thánh và thu hút được sự tập trung của người tham dự Thánh lễ. Cung Thánh được gia tăng tính thẩm mỹ bởi cấu tạo đường gờ giật cấp và mảng tường ốp gạch màu cam. Trên bề mặt mảng tường ốp gạch thờ phượng tượng Chúa chịu nạn trên thánh giá. Nhà Tạm cùng với biểu tượng Alpha và Omegal^o nổi bật ở vị trí trung tâm của cung thánh. Vách nhà Tạm được xây lùi vào trong, sơn màu trắng. Khăn vải che phía trước nhà Tạm được tạo dáng giống chiếc lều. Cạnh bên nhà Tạm có đèn châu được thắp sáng suốt ngày đêm. Hai bên vách Cung Thánh trang trí hai bức phù điêu Bàn Tiệc ly và Chúa Giêsu giảng dạy cho trẻ em, bằng thạch cao, được sơn màu vàng đồng.

Bàn thờ giữ vai trò quan trọng trong Cung Thánh, được đặt cố định trên nền tam cấp, phía trước nhà Tạm. Trong hầu hết các thánh lễ, linh mục sẽ công bố các bài đọc từ bàn thờ và di chuyển sách lễ từ bên trái sang bên phải của bàn thờ, giáo dân quy tụ bàn thờ như quy tụ quanh Chúa Giêsu.

Bàn thờ có dạng hình chữ nhật, được làm bằng đá granit hai màu trắng và hồng. Mặt bàn thờ luôn được trải khăn phủ màu trắng, viền khăn thường được trang trí các hình nghệ thuật thánh. Trên bề mặt bàn thờ gắn biểu tượng bằng inox mạ vàng, gồm 3 ký tự L H S (là một biểu tượng để nói về Chúa Giêsu Kitô, là cách viết tắt tên của Ngài)".

Với việc cử hành Thánh lễ, trên bàn thờ phải có thánh giá có hình Chúa chịu nạn và chỉ đặt các vật dụng phụng vụ (hay còn gọi là vật lễ), đó là Sách Tin Mừng từ đầu cử hành cho đến khi bố Tin Mừng, chén thánh với đĩa, bình thánh, nếu cần, khăn thánh, khăn lau và Sách Lễ từ lúc trình lễ phẩm cho đến khi tráng chén. Mỗi khi cử hành phụng vụ, cần có những cây nến để tỏ lòng cung kính và mừng lễ được đặt trên bàn thờ hay chung quanh bàn thờ. Hoa không chưng trên bàn thờ mà được đặt hai bên bàn thờ.

Ghế của linh mục chủ tế và ghế dành cho Phó tế được đặt đối diện phía sau bàn thờ. Ghế bằng gỗ, được phủ vec ni, lưng ghế và chân ghế được tạo dáng mỹ thuật. Dãy ghế của các linh mục đồng tế được bố trí dọc hai bên Cung Thánh.

Bục giảng dành cho độc viên đọc Sách Thánh là người thi hành tác vụ công bố Lời Chúa (qua các bài đọc) trong Thánh lễ. Bục giảng bằng gỗ, phủ vec ni được đặt trái bàn thờ.

Không gian Cung Thánh sử dụng ánh sáng và lưu thông không khí từ các ô thông gió, cửa sổ hai bên vách. Buổi tối không gian cung thánh được chiếu sáng bởi thống đèn led và đèn pha, lắp đặt trên trần và phía góc mái. Hai bên vách lắp cửa ra vào để ra nhà nguyện phía sau cung thánh. Tại đây lưu giữ các vật dụng phụng vụ và các trang phục lễ.

Tháp chuông được xây dựng phía bên phải nhà thờ. Tháp chuông cao khoảng 12m, mặt bằng vuông, vật liệu xây dựng bằng bê tông cốt sắt. Tháp chuông được thiết kế khá đặc biệt, gồm bốn cột hơi xiên liên kết với những thanh giằng ngang, giằng chéo đan xen, xung quanh không xây tường, chóp đỉnh đặt biểu tượng thánh giá. Trong lòng tháp chuông, cầu thang dẫn lên đỉnh tháp có cấu trúc dạng lệch tầng. Có 05 quả chuông bằng kim loại có niên đại khoảng 1889-1892 và một mõ gỗ có niên đại khoảng giữa thế XIX được treo trong tháp chuông.

Nhà xứ hiện hữu có vị trí giáp công, chính diện công trình quay về hướng Bắc. Kiến trúc theo kiểu kiến trúc thuộc địa Pháp, vật liệu xây dựng là sự kết hợp của sắt thép, tường gạch và vôi vữa. Kết cấu gồm một tầng trệt và một tầng lầu. Phần mái với đòn tay, rui mè và côn son bằng gỗ, lợp ngói dạng vảy cá. Các mặt đứng của Nhà Xứ có dạng hệ thống các cửa vòm nối tiếp nhau, bao quanh các dãy hành lang khu nhà. Hành lang ở mặt trước tầng trệt được để thoáng, hành lang tầng lầu khép kín với hệ thống cửa sổ vòm. Mặt trước tầng lầu, các ô cửa vòm có cấu tạo cửa sổ gỗ dạng lá sách. Các mặt bên, các ô cửa vòm đã có một vài cải tạo. Các phòng làm việc và khu vực sinh hoạt đã được cải tạo lại ngoại thất và nội thất cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của các Linh mục. Tuy nhiên nhìn chung nhà xứ vẫn giữ được nét kiến trúc ban đầu, hài hòa trong thể kiến trúc nhà thờ.

Nhà xứ được các nhà nghiên cứu đánh giá là công trình có giá trị về mặt lịch sử xây dựng và giá trị kiến trúc.

Nhà thờ hiện còn lưu giữ 05 quả chuông đồng và mõ gỗ treo trong tháp chuông. Có thể nói đây là những hiện vật từ buổi ban đầu, gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Nhà thờ thủ Thiêm, vùng đất Thủ Thiêm. Chiếc Mõ gỗ là di vật của ngôi đình xưa (khi xây dựng nhà thờ các linh mục đã giữ lại để làm kỷ niệm). Trong năm quả chuông thì có bốn quả chuông được đúc tại Pháp. Cặp chuông lớn có niên đại 1889, trên chuông khắc dòng chữ Thủ Thiêm hội. Cặp chuông nhỏ hơn do Dòng Mến Thánh giá dâng tặng năm 1892.

Kết hợp với Tu viện Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, công trình Nhà thờ Thủ Thiêm và Tu viện Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm đã tạo thành một quần thể công trình tôn giáo mang đậm dấu ấn lịch sử - văn hóa của vùng đất Thủ Thiêm, là một trong những di sản gắn chặt với lịch sử hình thành và phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay.

Hiện nay, nhà thờ do Linh mục Vinh Sơn Nguyễn Văn Hồng - Linh mục Chánh xứ Giáo xứ Thủ Thiêm trực tiếp phụ trách, trông coi.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP THÀNH PHỐ **“CĂN CỨ VÙNG BUNG 6 XÃ”**

Vùng bung 6 xã huyện Thủ Đức là vùng đất ven Thành phố Sài Gòn, có hệ thống giao thông đường thủy và đường bộ quan trọng, kết nối Thành phố Sài Gòn với Thủ Đức và các vùng xung quanh. Nơi đây có vị trí chiến lược quan trọng về quân sự, xây dựng căn cứ địa cách mạng tại vùng bung sẽ nối liền với căn cứ địa của các huyện vùng ven Thành phố Sài Gòn, từ các nơi này lực lượng ta có thể bất ngờ tiến công vào trung tâm đầu não của quân đội thực dân và đế quốc.

Tháng 10 năm 1946, Tỉnh ủy Gia Định chỉ đạo thành lập huyện ủy lâm thời huyện Thủ Đức do đồng chí Dương Văn Sửu làm Bí thư. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy đề ra nhiệm vụ và phương hướng hoạt động của huyện là đẩy mạnh trừ gian, diệt ác, mở rộng hoạt động xuống vùng bung, xây dựng chính quyền, mặt trận đoàn thể ở các xã vùng bung. Tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng căn cứ Khu B và căn cứ khu C của huyện tại vùng bung, thành lập Mặt trận Việt Minh và chính quyền các xã Long Phước, Phú Hữu, Tam Đa, Phước Trường.

Căn cứ khu B là Long Phước thôn được thành lập năm 1947. Căn cứ khu C (tiên thân của Căn cứ Vùng bung 6 xã được thành lập vào cuối năm 1947 đầu năm 1948 khi mới thành lập chỉ có 3 xã là Tam Đa, Phước Trường, Ích Thạnh, sau đó được mở rộng thêm là xã Phú Hữu và đến khi hoàn chỉnh thì bao gồm 8 xã là Tam Đa, Phước Trường, Ích Thạnh, Phú Hữu, Phước Long, Tăng Nhơn Phú, Bình Trưng, An Phú. Sau này 3 xã Tam Đa, Phước Trường, Ích Thạnh sáp nhập thành xã Long Trường do vậy còn lại 6 xã: Long Trường, Phú Hữu, Phước Long, Tăng Nhơn Phú, Bình Trưng, An Phú được gọi là Căn cứ Vùng Bung 6 xã.

Căn cứ Vùng bung 6 xã là địa bàn cơ động chiến lược vô cùng quan trọng của các lực lượng vũ trang từ xã, huyện đến tỉnh, quân khu và miền để uy hiếp và đánh vào cơ quan đầu não địch một cách táo bạo nhất, bất ngờ nhất, trong thời gian nhanh nhất, với khoảng cách ngắn nhất (cách trung tâm thành phố chỉ 5 km theo đường chim bay, trong tầm hỏa lực ĐKZ của ta) đặc biệt là nơi xuất phát của lực lượng vũ trang tiến công vào Thành phố Sài Gòn trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 và đại thắng mùa xuân 1975.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, các lực lượng vũ trang và Nhân dân Vùng bung 6 xã đã đoàn kết một lòng, vượt qua mọi gian khổ hy sinh, kiên cường bám trụ xây dựng căn cứ, bảo vệ an toàn căn cứ và chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Với những giá trị tiêu biểu về mặt lịch sử nêu trên, ngày 10/10/2008 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 4303/QĐ-UBND công nhận căn cứ Vùng bung 6 xã là di tích lịch sử.

Hiện nay, nhà truyền thống căn cứ Vùng bung 6 xã trưng bày các hình ảnh, hiện vật và tài liệu nhằm giới thiệu truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân

Vùng bưng sáu xã trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Được đưa vào hoạt động từ tháng 8 năm 2011, đã thu hút hàng nghìn lượt khách đến tham quan và học tập mỗi năm. Nhà truyền thống di tích lịch sử - văn hóa căn cứ Vùng bưng 6 xã tọa lạc trên đường Lã Xuân Oai, khu phố Phước Hiệp, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP THÀNH PHỐ **“ĐÌNH THÁI BÌNH”**

(Tọa lạc tại khu phố Thái Bình 1, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đình Thái Bình trước đây có tên là đình Vĩnh Thuận, được xây dựng vào khoảng thế kỷ XIX tại gò đình thuộc làng Vĩnh Thuận, tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa. Tuy nhiên, do biến cố của chiến tranh, do nhiều biến động của quá trình tách nhập địa giới hành chính, đình được dân làng trùng tu, sửa chữa và đổi tên đình. Đình được xây dựng nhằm phục vụ nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, thờ thần làng, tưởng nhớ các bậc tiền hiền, hậu hiền những người có công khai phá vùng đất mới, là chỗ dựa về tinh thần, là nơi bái lễ cầu nguyện, cầu mùa, cầu quốc thái dân an.

Trong quá trình tồn tại, đình Thái Bình đã ghi lại nhiều dấu ấn lịch sử về giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) của quân và dân Sài Gòn - Gia Định, nay là Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình Thái Bình hiện nay do Ban Quý tế đình quản lý, mặc dù trải qua nhiều lần trùng tu sửa chữa, nhưng đình vẫn giữ được nét đẹp của ngôi đình làng Nam Bộ. Đình có kết cấu mặt bằng gồm Võ Ca, Tiền điện, Chính điện và Hậu sở được xây dựng nối tiếp nhau. Đình thờ Thần Thành Hoàng Bồn Cảnh, vị thần bảo hộ dân cư của làng. Ngoài thần Thành Hoàng Bồn Cảnh, đình còn phối tự thờ các vị thần linh gắn liền với đời sống của cư dân, các anh hùng dân tộc, danh nhân lịch sử, những người có công với làng, nước.

Về các nghi thức lễ hội, đình vẫn giữ được nét truyền thống cơ bản của ngôi đình Nam Bộ. Lễ hội chính trong năm của đình là lễ Kỳ Yên diễn ra vào ngày 15, 16 tháng 11 âm lịch và các ngày lễ khác trong năm như Lễ cúng Tiên Sư, Lễ cúng Tiền hiền, Hậu hiền,... Đặc biệt, ngày 27 tháng 7 (ngày Thương binh - Liệt sỹ) hàng năm là ngày truyền thống của đình, nhằm nói lên lòng biết ơn sâu sắc đối với các chiến sỹ cách mạng đã hy sinh thân mình vì độc lập, tự do cho dân tộc. Hàng năm, vào các dịp lễ đều thu hút rất nhiều bá tánh xung quanh khu vực đình đến cúng bái.

Đình Thái Bình được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố theo Quyết định số 4256/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC GIA “ĐÌNH PHONG PHÚ”

(Tọa lạc tại Khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú B, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh)

Đình tọa lạc trên khu đất 4,2ha, được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX, nhà lá, vách ván do Nhân dân làng Phong Phú lập nên để thờ Thần Thành Hoàng. Qua nhiều lần sửa chữa phá bỏ rồi xây dựng lại (1937, 1948, 1952, 1969, 1975) đình có quy mô như hiện nay.

Đình có hai lớp công: lớp công thứ nhất tạc bia Ông Hồ, lớp thứ hai kiến trúc kiểu “tam quan”. Sân đình có tượng Bạch mã, Thần nông, hòn non bộ và các miếu nhỏ thờ Ngũ Hành Nương Nương...

Phần bên trong được bố trí các phần chính: võ ca, chính điện, tiền điện, nhà túc, nhà bếp, nhà truyền thống và nhà rửa rau quả... Nóc đình và các bức hoành phi được trang trí các hoa văn liên quan đến các đề tài dân gian, mang bản sắc văn hóa đình Nam bộ như: long, lân, quy, phụng, bát tiên, cá hóa long...

Nét đặc trưng nhất của đình Phong Phú là thờ tượng tròn, mà không thờ bài vị như hầu hết các đình khác ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đình Phong Phú gắn với nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của Nhân dân làng Phong Phú và Sài Gòn - Gia định trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) đình Phong Phú là nơi thành lập và luyện tập của lực lượng Thanh niên Tiền Phong của làng Phong Phú. Sau đó lực lượng này phát triển thành bộ đội địa phương Phân đội 44 do ông Nguyễn Văn Ban chỉ huy (thuộc đại đội 15 của Thái Văn Lung). Từ đình bộ đội địa phương đã tổ chức lễ xuất quân đánh vào đồn của quân đội Nhật, thu nhiều vũ khí, trong đó có 5 khẩu súng trường... Đặc biệt cuối năm 1946, ông Nguyễn Thành Nhơn, Trưởng Hội Đình đồng thời là chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã đã hướng hoạt động của Hội đình vừa thờ thần vừa tổ chức Nhân dân đóng góp phục vụ kháng chiến.

Năm 1948, Nhân dân làng Phong Phú đã chuyển toàn bộ tượng thờ về chùa Thanh Long, đập bỏ đình theo chủ trương “tiêu khổ kháng chiến” để thực dân Pháp không biến đình thành đồn lính. Đến năm 1952, ngôi đình được xây dựng lại theo nguyện vọng của Nhân dân.

Thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) đình Phong Phú là trụ sở liên lạc, tập kết của cán bộ cách mạng huyện Thủ Đức. Năm 1960, địch nghi ngờ Hội đình tiếp tế cho cách mạng nên đã bắt giam tất cả các cụ trong Hội đình và tra tấn dã man nhưng không khai thác được gì, một thời gian sau phải trả tự do cho các cụ. Ra tù các cụ lại

tiếp tục đào hầm bí mật ngay trong đình để nuôi giấu cán bộ và vận động Nhân dân đóng góp cho cách mạng.

Hàng năm lễ Kỳ Yên được diễn ra từ ngày 14 đến 16 tháng 11 âm lịch. Nếp sinh hoạt văn hóa này có từ rất lâu và hằng năm, cứ đến dịp lễ, hàng nghìn người dân nô nức đến đình. Mọi người thấp nén hương thành kính cầu an và tưởng nhớ đến những chiến sĩ cách mạng từng trú ngụ nơi này. Đình Phong Phú được Bộ Văn hóa và Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử - nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định số 57-VH/QĐ ký ngày 18/01/1993.

DI TÍCH KIẾN TRÚC - NGHỆ THUẬT CẤP THÀNH PHỐ “MỘ ÔNG NGHỊ VIÊN ĐỊA HẠT ĐẶNG TÂN XUÂN”

(Bên trong khuôn viên học viện chính trị khu vực II, số 99 Man Thiện, phường Hiệp Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Ông Nghị viên địa hạt Đặng Tân Xuân mất ngày 24 tháng 2 năm 1925, mộ phần của ông được lập vào năm 1928 (chức vụ Nghị viên địa hạt là một chức quan thời Pháp cai quản đơn vị hành chính tương đương tỉnh hiện nay).

Ngôi mộ được lập đến nay đã hơn 80 năm có giá trị về lịch sử - văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc mộ tiêu biểu cho loại hình mộ cổ đầu thế kỷ XX còn lưu giữ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng thể công trình mộ táng hài hòa về kiến trúc tường bao được xây dựng kiên cố với diện tích lớn tạo nên không gian thông thoáng nắm mộ hình chữ nhật đặt giữa khuôn viên có tường bao. Trên tường bao và nắm mộ có các hoa văn trang trí mang đề tài chữ thập, lá sồi, bông lúa mạch, dơi, hổ phù, đồng tiền, chữ Thọ... đây là những chi tiết trang trí có đề tài liên quan đến Thiên Chúa giáo, có ảnh hưởng của phong cách kiến trúc Châu Âu và ý niệm phúc lộc, trường tồn của người Châu á. Vật liệu chủ yếu là đá, gạch, thép, sỏi, cát màu vàng sậm, vôi, vữa và được xây dựng kiên cố, vững chắc.

Giá trị di tích góp phần tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của Thủ Đức vùng đất có nhiều giá trị lịch sử - văn hóa của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Phong cách kiến trúc ngôi mộ là nguồn tư liệu có thể tìm hiểu nghiên cứu về loại hình mộ táng đồng niên đại ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Mộ cổ ông Nghị viên địa hạt Đặng Tân Xuân được Ủy ban nhân dân thành phố công nhận và xếp hạng là di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp thành phố theo Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 26/06/2015.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP QUỐC “GIA BÓT DÂY THÉP”

(Tọa lạc tại Khu phố 2 - phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bót Dây Thép do thực dân Pháp xây dựng từ những năm đầu xâm lược Việt Nam và Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Lúc đầu, Bót Dây Thép chỉ là một trạm phát và nhận tin từ Việt Nam về Pháp và ngược lại. Năm 1945, thực dân Pháp giao cho Trung úy Pirolét chỉ huy trạm “Dây Thép”. Từ đó, Pirolét đã cho đập bỏ một số hạng mục cũ và xây dựng thêm một số công trình mới kiên cố hơn biến nơi đây thành “Bót” nên được gọi là “Bót Dây Thép”. Bót Dây Thép gồm ba căn nhà được xây dựng theo kiến trúc cổ Tây phương. Pirolét đã biến Bót Dây Thép thành nơi gây nên nhiều tội ác đối với Nhân dân ta.

Tên Pirolét chỉ huy lính gác dùng Bót Dây Thép làm đài quan sát để kiểm soát các mặt Vùng bung sáu xã, chúng đã nhiều lần gọi pháo từ Thủ Đức bắn vào các vùng dân cư, phá hoại tài sản, giết người một cách vô cớ... Đặc biệt từ năm 1946 - 1947, hàng ngày, từ Bót Dây Thép, Pirolét chỉ huy lính lê dương chia thành từng nhóm nhỏ xông vào từng nhà dân lung lục, cướp của, hãm hiếp phụ nữ và bắt thanh niên đưa về bót giam giữ, tra khảo hòng moi tin tức của cách mạng rồi gán cho họ là tù chính trị... Đến khi số lượng tù binh quá đông, các căn nhà không còn chỗ, chúng nhốt tù nhân xuống hầm, vừa tối tăm vừa chật hẹp làm cho nhiều người bị chết vì thiếu không khí, hoặc bị bệnh tật, kiệt sức...

Tại đây, chúng đã dùng nhiều hình thức để tra tấn tù nhân như: treo ngược người lên rồi lấy rơm đốt; đổ nước xà phòng vào miệng cho căng bụng rồi đập cho trào ra; nướng dừa sắt lụi vào bắp chân làm cho da thịt cháy xém... Tra tấn, đánh đập dã man nhưng không khuất phục được tù nhân, chúng hèn hạ đưa họ đến cầu Bến Nọc cách bót khoảng 2 km và giết chết họ, số người bị giết có lúc lên đến hàng chục người và chúng ném xác họ xuống sông để phi tang chứng cứ. Tàn bạo hơn, có nhiều khi chúng tổ chức giết hại tù nhân làm trò tiêu khiển, rồi chặt đầu nạn nhân cắm lên cọc đưa ra cắm trước cửa Bót Dây Thép.

Hành động tàn ác của bọn lính và tên Pirolét làm cho Nhân dân vô cùng căm phẫn. Tháng 6 năm 1947, để trừng trị tên Pirolét và phá Bót Dây Thép, lực lượng thanh niên Tiền Phong do Nguyễn Văn Banh, Nguyễn Văn Hùng chỉ huy đã tập kích vào bót nhưng không thành công... Để trả thù, tên Pirolét bắt 24 người chúng đang giam từ dưới hầm lên, dùng kẽm gai xỏ lòng bàn tay của 24 người với nhau, rồi lôi họ từ Bót Dây Thép đến ấp Phong Phú, xếp thành hàng, xả súng bắn chết tất cả...

Tại Bót Dây Thép, từ năm 1945 - 1947 có khoảng 600 người đã bị bọn địch giết hại, trong đó có nhiều cán bộ cốt cán của cách mạng như đồng chí Trương Văn Non

và cha là Trương Văn Lên, Hồng Văn Bàu, Tống Văn Sự, Huỳnh Văn Mẹo, Đặng Trung Tâm và Nguyễn Thị Thê...

Di tích Bót Dây thép có giá trị lịch sử rất tiêu biểu - là chứng tích ghi dấu tội ác chiến tranh của thực dân Pháp đối với nhân dân Vùng bưng sáu xã từ những ngày đầu xâm lược Sài Gòn - Gia Định cho đến năm 1947. Đồng thời, ghi dấu tinh thần anh dũng không khuất phục trước kẻ thù tàn bạo của Nhân dân Sài Gòn - Gia Định.

Bót Dây Thép được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia theo Quyết định số 57-VH/QĐ ngày 18 tháng 01 năm 1993. Sau khi được xếp hạng, di tích đã được trưng bày bổ sung và mở cửa đón khách tham quan.

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA CẤP THÀNH PHỐ “CHÙA BỬU THẠNH”

(Tọa lạc tại số 50D đường Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Chùa thuộc hệ phái Bắc Tông được khởi dựng vào đầu thế kỷ 19. Chùa Bửu Thạnh gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử đấu tranh cách mạng của quân dân Sài Gòn - Gia Định. Trong thời kỳ chống Pháp, chùa là cơ sở của Chi bộ xã Long Trường, Trường Thạnh, Phú Hữu hiện nay). Các đồng chí Đào Sơn Tây, Nguyễn Văn Mạnh, Lâm Chiến Biện, bộ đội Trần Phú, du kích Long Trường thường xuyên được sự giúp đỡ, che chở của sư trụ trì là Hòa thượng Thích Quảng Lạc. Ngày 18 tháng 12 năm 1947, giặc Pháp càn vào căn cứ Khu C, cướp bóc tài sản, bắn giết người dân, bắn chết sư trụ trì Quảng Lạc (nguyên cán bộ Việt Minh) và đốt cháy ngôi chùa cổ. Ngày 20 tháng 5 năm 1948, Thầy Thiện Tú là giao liên, vừa là du kích của bộ đội Đào Sơn Tây đã anh dũng hy sinh cùng 33 bộ đội, du kích trong trận chống càn tại rạch Bến Mương sau chùa Bửu Thạnh.

Chùa được xây dựng lại vào năm 1955, nhưng chưa đầy 10 năm sau 1965 lại bị máy bay Mỹ bắn cháy. Từ năm 1976 đến năm 2004 trên khuôn viên 2 ha, Hòa thượng Thích Huệ Thành (nguyên Phó Hội trưởng Phật giáo Cứu quốc Nam bộ) và đệ tử nay là Hòa Thượng Thích Huệ Cảnh trụ trì chùa, đã cho phục dựng ngôi chính điện, tổ đường cùng nhiều công trình tại khuôn viên như: miếu Linh Sơn Thánh Mẫu, Đài Quan Âm, Vườn Lâm Tỳ Ni, cổng chùa, trai đường. Các công trình trong chùa được xây dựng hoành tráng, trang nghiêm cùng với cảnh quan đẹp, thanh tịnh. Chùa Bửu Thạnh đã phát huy tốt giá trị vốn có vừa góp phần làm tốt việc đạo, làm đẹp việc đời.

Chùa được xếp hạng là di tích lịch sử cấp thành phố theo Quyết định số 5516/QĐ-UB ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

DI TÍCH KIẾN TRÚC - NGHỆ THUẬT CẤP THÀNH PHỐ “ĐÌNH TĂNG PHÚ”

(Tọa lạc số 236, Khu phố 3, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Theo các cụ cao niên trong vùng, đình Tăng Phú có cách nay trên 150 năm. Đình tọa lạc trên gò cao, khuôn viên rộng với nhiều loại cây: dầu, sao, bằng lăng, cẩm, com rượu, cò kẻo, óc eo... tạo cho đình có cảnh quan đẹp.

Các công trình kiến trúc của đình gồm có: Bia Thần Hổ, Võ ca, Tiền điện, Chính điện, Hậu sở, Miếu Thần Nông, Miếu Ngũ Hành, Miếu Bạch Mã. Trong đó Tiền điện, Chính điện là công trình kiến trúc có giá trị.

Tiền điện là nhà ba gian, hai chái, kết cấu vì kèo với cột, cây xiên, kèo đều là gỗ được đẽo tỉ mỉ, được liên kết chắc chắn để đỡ mái ngói. Chính điện được nối liền với tiền điện là dạng kiến trúc với cột cái cao trên 5m, được liên kết với 4 cây xà ngang, dọc và mở rộng ra bốn hướng nhờ hệ thống kèo đoạn tạo cho không gian nội thất chính điện rộng rãi tiện cho bài trí phục vụ nghi lễ.

Chính điện và tiền điện được bài trí theo cung cách đình Nam bộ, các tấm hoành phi, liễn, các nhà thờ, đồ thờ cúng xen lẫn màu vàng, màu đỏ tô điểm cho ngôi đình trang nghiêm, long lẫy và uy nghi.

Đình Tăng Phú thờ Thần Thành Hoàng Bốn Cảnh, lễ hội chính của đình là lễ Kỳ Yên tổ chức hàng năm vào ngày 15 - 16/02 âm lịch. Đình được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng là di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp thành phố theo Quyết định số 4840/QĐ-UBND ngày 27/10/2006.

DI TÍCH KIẾN TRÚC - NGHỆ THUẬT CẤP QUỐC GIA **“CHÙA PHƯỚC TƯỜNG”**

(Tọa lạc tại Đường 102, Khu phố 7, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Chùa do Tổ Linh Quang Phật Chiêu khai lập vào năm 1741, tọa lạc trên một khuôn viên rộng lớn với cảnh quan đẹp, bao phủ bởi nhiều cây cổ thụ to xanh mát.

Về tổng thể các công trình kiến trúc chùa có: cổng sân, tiền điện, chính điện, giảng đường và tăng đường nằm trên trục dọc. Phòng tăng lớp học, nhà bếp được bố trí phía sau và bên phải giảng đường.

Trong các công trình trên, tiền điện, chính điện, tổ đường, giảng đường là nơi lưu giữ được kiến trúc gỗ, mái ngói lợp âm dương, bờ nóc có hai rồng tranh châu.

Tiền điện dạng nhà ba gian hai chái với cột, kèo, gỗ, vách tường trước tiền điện là vách gỗ với ba cửa chính giữa và hai bên gồm 12 cánh có trụ xoay trên ngưỡng cửa, loại cửa này hiện nay rất ít được bảo tồn.

Chính điện thuộc dạng kiến trúc tứ trụ với bốn cột gỗ lớn ở trung tâm được liên kết với nhau bởi các cây xà xiên. Từ bốn cột trung tâm hệ thống kèo được mở ra bốn hướng làm cho không gian chính điện được rộng rãi.

Án thờ tại chính điện là nơi trang trọng nhất với nhiều tầng, nơi đặt các tượng thờ như: Tam thế Phật, Thích Ca, Di lặc, Địa Tạng, Quan Âm, Hộ Pháp bằng gỗ... đều được tạo tác từ thế kỷ 19. Tiền điện, chính điện còn là nơi lưu giữ các hoành phi, liễn, bao lam từ năm 1922.

Sau chính điện là tổ đường, nơi lưu giữ các bài vị gỗ ghi chữ Hán Việt tên các vị trụ trì.

Phước Tường ngôi chùa cổ trên 200 năm thuộc đất Gia Định xưa nay là Thành phố Hồ Chí Minh nơi lưu giữ kiến trúc nghệ thuật chùa cổ Nam Bộ cùng với khoảng 100 di vật, cổ vật. Chùa Phước Tường được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định VH/QĐ 43 ngày 7/01/1993.

DI TÍCH KIẾN TRÚC - NGHỆ THUẬT CẤP QUỐC GIA “CHÙA HỘI SƠN”

(Tọa lạc tại số 1A1, đường Nguyễn Xiển, phường Long Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Chùa Hội Sơn là ngôi chùa cổ do thiền sư Khánh Long khai lập và trụ trì vào cuối thế kỷ XVIII. Chùa nằm trên ngọn đồi, bên một dòng sông, là một thắng cảnh nổi tiếng đã được đưa vào sách “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức.

Chùa Hội Sơn có kiến trúc mặt bằng hình chữ L ngược, mái ngói âm dương, vì kèo chịu lực bằng gỗ, cửa sổ, tường gạch, nền lát gạch tàu... Trục chính của chùa gồm hành lang, tiền điện, chính điện, tô đường, giảng đường, sân thiên tỉnh, nhà túc, nhà hậu. Trục ngang, phía bên trái là tăng đường và nhà bếp.

Chùa Hội Sơn tọa lạc trên một di chỉ khảo cổ thuộc nền văn hóa sông Đồng Nai, có niên đại khoảng 3500 năm ở vào thời đại kim khí. Di chỉ này nằm ngay dưới khuôn viên 18.000 m² ở trên một vùng phù sa cổ. Do quá trình xói mòn và chịu ảnh hưởng của các điều kiện thời tiết nên các hiện vật này đã dần lộ thiên. Theo thống kê được thì có khoảng 89 công cụ bằng đá và rất nhiều mảnh gốm có niên đại hàng ngàn năm. Hiện những hiện vật này đang được trưng bày tại nhà truyền thống Thủ Đức. Hiếm có ngôi chùa nào đem lại nhiều giá trị lịch sử như chùa Hội Sơn. Chùa Hội Sơn đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp quốc gia theo Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7 tháng 01 năm 1993.

DI TÍCH KIẾN TRÚC - NGHỆ THUẬT CẤP THÀNH PHỐ “CHÙA BỬU SƠN”

(Tọa lạc tại số 341 đường Nguyễn Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh)

Chùa Bửu Sơn thuộc hệ phái Bắc Tông, chi phái Lâm Tế dòng Liễu Quán, được xây dựng khoảng cuối thế kỷ 19. Chùa Bửu Sơn có khuôn viên rộng khoảng 8000m², công tam quan chùa được xây dựng khá kiên cố. Sân chùa trồng nhiều hoa kiềng xanh tươi, tạo cảm giác thoáng mát, đẹp mắt, xung quanh có tường rào bảo vệ. Trong sân chùa có đài tháp thờ Quan Thế Âm Bồ Tát và bệ thờ Di Lặc Bồ Tát.

Tiền điện là nhà ba gian, cột gỗ đường kính từ 25 - 30 cm. Mái tiền điện lợp ngói vảy cá, trên đường bờ nóc mái trang trí tượng đầu rồng đội bánh xe pháp luân (tượng trưng giáo pháp của Phật, bánh xe lăn tới trước chẳng thối lui, như giáo pháp mà Phật thuyết ra đưa chúng sinh lên cõi giải thoát), đường bờ dải hai bên mái trang trí tượng rồng uốn lượn trong mây, hai đầu đao là tượng chim phượng. Ở gian giữa Tiền điện có treo bức hoành phi sơn son thếp vàng chạm chìm chữ Hán “Bửu Sơn tự”.

Chính điện được xây dựng theo kiểu tứ trụ: giữa chính điện có bốn cột gỗ tròn lớn, đường kính khoảng 30 cm, đỡ lấy bộ vì kèo bằng gỗ mở rộng ra bốn phía. Các kèo, xà, cột được lắp ghép lại với nhau bởi các mộng, giống kỹ thuật làm nhà rường của người dân Nam bộ xưa.

Bàn tam bảo đặt giữa chính điện, bậc trên cao là tượng Phật Thích Ca tọa thiền trên tòa sen, tay bắt ấn, hình vẽ cây bồ đề trên bức tượng phía sau tượng Phật tạo cho người viếng cảnh chùa có cảm giác như Phật đang thiền định dưới bóng bồ đề. Ở bậc tiếp theo là bộ tượng Di Đà Tam Tôn: A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thích Ca Sơ Sinh và bảy vị Dược sư Lưu Ly Quang Phật bằng gốm men nhiều màu. Điện thờ Phật Thích Ca có bao lam chạm lõng tứ linh: long, lân, qui, phụng và dây lá hoa. Phía trên có bức hoành phi gỗ chạm nổi chữ Hán “Đại hùng bửu điện - Điện thờ đức Phật”. Ở hai cột bên trang trí đôi câu đối bằng gỗ hình lòng máng, xung quanh chạm khắc hoa văn kỷ hà và dơi - tượng trưng cho điềm phúc, điềm tốt lành. Hành lang bên trái có tượng Diêm Vương được làm bằng gỗ mít, gồm 5 tượng Diêm Vương, 2 tượng Phán quan và hai tượng người Hầu là những hiện vật quý của chùa Bửu Sơn (các tượng có niên đại khoảng giữa thế kỷ 19).

Hàng năm ở chùa Bửu Sơn đều tổ chức các ngày lễ như: Lễ Phật đản, Vu Lan, An cư kiết hạ. Bên cạnh đó, các ni sư còn tổ chức các lễ kỵ húy trong năm để tưởng nhớ các vị Tổ sư.

Qua những giá trị nghệ thuật thể hiện trong kiến trúc, các tác phẩm điêu khắc tượng gỗ có thể nói chùa Bửu Sơn là một trong những ngôi chùa cổ kính, trang nghiêm của Thủ Đức nói riêng và Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

Với những giá trị tiêu biểu trên, chùa Bửu Sơn đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xếp hạng là di tích kiến trúc - nghệ thuật cấp thành phố theo Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 28/4/2012.

DI TÍCH “ĐÌNH XUÂN HIỆP”

Đình Xuân Hiệp nơi thờ Thần thành hoàng bốn cảnh thôn Xuân Hiệp; sắc phong do Vua Bảo Đại thứ chín (1934) ban “Khai nguyên Diêu hóa Chính đạo Đại vương Đôn ngưng Tôn thần” ngày 27/7 năm Bảo Đại thứ chín (1934).

Đình Xuân Hiệp tọa lạc trên khu đất tương đối cao, trong khu dân cư đông đúc, tại khu phố 2, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Đình được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1818 – 1885; ban đầu đình có quy mô nhỏ, kiến trúc bằng tre, lá đơn sơ; đến năm 1928 được xây dựng khang trang như hiện nay theo kiến trúc cổ (5 gian 2 chái) với diện tích xây dựng 765 mét vuông trên tổng diện tích 2.012 mét vuông đất.

Đình Xuân Hiệp là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia được xếp hạng di tích theo Quyết định số 101/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004 của Bộ Văn hóa – Thông tin. Có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao về kiến trúc xây dựng, hiện vật thờ cúng và nghi thức cúng tế (phì vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hiện nay, đình được Ban quý tế bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện quốc thái dân an của nhân dân.

DI TÍCH “ĐÌNH TRƯỜNG THỌ”

Đình Trường Thọ nơi thờ thần Thành hoàng Bồn cảnh (Thành hoàng là vị thần coi một khu vực nào. Bồn cảnh là cõi đất nơi mình được thờ) là vị tướng triều Nguyễn (theo truyền khẩu có tên là: Châu Văn Tiếp) sắc phong do Vua Khải Định ban năm 1926 “Đương Kim Bồn Cảnh Thành Hoàng Đại Vương Tôn Thần”.

Đình Trường Thọ tọa lạc trên gò đất (đỏ) cao, tại khu phố 8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Đình Trường Thọ được xây dựng theo kiểu trùng thềm điệp ốc (5 gian 2 chái) với diện tích xây dựng 518 mét vuông trên tổng diện tích 3.832 mét vuông đất.

Đình Trường Thọ là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia được xếp hạng di tích theo Quyết định số 39/2002/QĐ-BVHTT ngày 30/12/2002 của Bộ Văn hóa – Thông tin. Có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao về kiến trúc xây dựng, hiện vật thờ cúng và nghi thức cúng tế (phi vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hiện nay, đình được Ban quý tộc bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện quốc thái dân an của nhân dân địa phương, là nơi nghiên cứu của nhiều sinh viên, tham quan của du khách.

DI TÍCH “ĐÌNH LINH ĐÔNG”

Đình Linh Đông hiện tọa lạc tại địa chỉ số 28, đường Chương Dương, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Đình nằm trên một gò đất cao, có diện tích 2479.1m². Đây là một công trình đặc sắc, có giá trị về lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật; thể hiện sự gắn kết cộng đồng làng xã của cư dân Nam Bộ, tinh thần tôn trọng, tưởng nhớ công ơn của các bậc tiền hiền đã có công khai phá lập làng, lập đình...đồng thời cũng thể hiện trí tuệ, sự tài hoa, khéo léo của các bậc nghệ nhân xưa. Đình thuộc loại di tích kiến trúc nghệ thuật và được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia theo Quyết định số 3245/QĐ-BVHTTDL ngày 04 tháng 11 năm 2020 do Bộ trưởng Nguyễn Ngọc Thiện ký.

Căn cứ theo Hán khắc ở cái nóc của Tiền điện Đình Linh Đông có ghi rõ “Quý mùi niên, quý thu, cát đán tạo” có nghĩa là tạo ngày lành, cuối thu (tháng 9) năm Quý mùi (1823); có thể xác định đình Linh Đông được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX.

Theo Sắc phong của Vua Tự Đức ban cho thần Thành hoàng bốn cảnh thôn Linh Chiểu, nguyên được ban tặng là “Thần Bảo An Chánh Trực Hựu Thiện” giúp nước, cứu dân, đã nhiều lần hiển hiện linh ứng. Ta nay vâng mệnh Trời, nghĩ tới đức độ của Thần tặng thêm cho Thần là “Thần Bảo An Chánh Trực Hựu Thiện Đôn Ngưng”. Chuẩn Nghĩa An huyện Linh chiểu Đông thôn y cựu phụng sự... có nghĩa là (Chuẩn cho thôn Linh Chiểu Đông, huyện An Nghĩa vẫn phụng sự thần như cũ). Thần thì phải giúp đỡ, bảo vệ dân đen của ta. Khâm tai; ngày 29 tháng 11 năm tự Đức thứ năm (ngày 08 tháng 01 năm 1852). Đóng bảo: Sắc mệnh chi bảo.

Đình Linh Đông xây dựng theo dạng chữ Tam gồm ba nếp nhà: tiền điện, trung điện và chính điện, nhà khách và nhà bếp, phần còn lại là sân đình. Trong đó, nổi bật là kiến trúc tiền điện và chính điện. Tiền điện là nếp nhà năm gian, chính điện theo kiểu tứ trụ với tổng số lượng là 32 cột gỗ chống đỡ toàn bộ hệ thống mái ngói âm dương. Các bàn thờ trong chính điện được bài trí đăng đối nhau. Trung tâm là khám thờ Thần Thành Hoàng Bốn Cảnh; phía trước là án thờ Hội Đồng; bên phải là khám thờ Ngũ Thổ Thần Vị và khám thờ Tiền Hiền Chi Vị; bên trái là khám thờ Ngũ Cốc Thần Vị và khám thờ Hậu Hiền Chi Vị. Đặc biệt đình còn lưu giữ sắc phong do vua Tự Đức ban cho Thần Thành Hoàng Bốn Cảnh thôn Linh Chiểu Đông, huyện An Nghĩa vào ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5. Ngoài ra, đình còn lưu giữ nhiều hiện vật quý được làm bằng gỗ, chạm khắc tinh tế các đề tài như: long - lân - quy - phụng, hạc - rùa, hoa - lá - quả...

Hàng năm, đình Linh Đông tổ chức một ngày lễ lớn đó là lễ Kỳ Yên. Lễ Kỳ Yên diễn ra trong hai ngày 15 và 16 tháng 10 âm lịch với mục đích cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa vụ bội thu. Ngoài ra, đình còn tổ chức lễ giỗ Tiền hiền Tạ Dương Minh (tên húy là Huy, tên hiệu là Thủ Đức) vào ngày 19 tháng 6 âm lịch.

DI TÍCH “ĐÌNH LINH TÂY”

Đình Linh Tây nơi thờ Thần thành hoàng Linh Chiêu Tây “Thích Lý Tây Đình” (Đình thần hộ ngoại của Vua Tự Đức); sắc phong do Vua Tự Đức thứ năm (1852) ban “Bảo an, Chính trực, Hựu thiện, Đôn ngưng” Tôn thần.

Đình Linh Tây tọa lạc trên gò đất cao, tại khu phố 2, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Đình được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1818 – 1852; theo kiến trúc cổ (5 gian 2 chái) với diện tích xây dựng 735,6 mét vuông trên tổng diện tích 1.435 mét vuông đất.

Đình Linh Tây là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố được xếp hạng di tích theo Quyết định số 328/2003/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao về kiến trúc xây dựng, hiện vật thờ cúng và nghi thức cúng tế (phi vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hiện nay, đình được Ban quý tộc bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện quốc thái dân an của nhân dân.

DI TÍCH “ĐÌNH BÌNH THỌ”

Đình Bình Thọ nơi thờ thần Thành hoàng Bồn cảnh (Thành hoàng là vị thần coi một khu vực nào. Bồn cảnh là cõi đất nơi mình được thờ).

Đình Bình Thọ tọa lạc tại khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Đình Bình Thọ được xây dựng theo kiểu cổ 5 gian 2 chái với diện tích xây dựng 512 mét vuông trên tổng diện tích 4.290,4 mét vuông đất.

Đình Bình Thọ là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố được xếp hạng di tích theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20/6/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao về kiến trúc xây dựng, hiện vật thờ cúng và nghi thức cúng tế (phí vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hiện nay, đình được Ban quý tế bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện quốc thái dân an của nhân dân địa phương, là nơi nghiên cứu của nhiều sinh viên, là nơi sinh hoạt của thanh niên và là địa điểm tham quan của du khách.

DI TÍCH

“CHÙA SÙNG ĐỨC”

Chùa Sùng Đức là cơ sở tôn giáo Phật giáo thuộc phái Phật giáo Đại thừa, thờ cúng hội đồng chư Phật (bao gồm cả tôn giáo và tính ngưỡng dân gian).

Chùa Sùng Đức tọa lạc tại số 50, đường số 3, khu phố 6, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Chùa được xây dựng theo kiểu cổ với kiến trúc chữ “Tam”, diện tích xây dựng (Chánh điện) 217 mét vuông trên tổng diện tích 12.054 mét vuông đất.

Chùa Sùng Đức là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố được xếp hạng di tích theo Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 20/6/2009 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao về kiến trúc xây dựng, hiện vật thờ cúng và nghi thức cúng tế (phí vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hiện nay, Chùa Sùng Đức được Ban trị sự bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện của nhân dân và là địa điểm tham quan của du khách.

DI TÍCH “CHÙA THIÊN PHƯỚC”

Chùa Thiên Phước là cơ sở tôn giáo Phật giáo thuộc phái Phật giáo Cổ sơn môn lục hòa, hệ phái Bắc tông, thờ cúng hội đồng chư Phật (bao gồm cả tôn giáo và tính ngưỡng dân gian).

Chùa Thiên Phước tọa lạc tại 37/217, khu phố 8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Chùa Thiên Phước được xây dựng theo kiểu cổ với kiến trúc chữ “đỉnh”, với diện tích xây dựng 788 mét vuông trên tổng diện tích 8.988,8 mét vuông đất.

Chùa Thiên Phước là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Thành phố được xếp hạng di tích theo Quyết định số 24/2005/QĐ-UB ngày 01/02/2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Có nhiều hiện vật có giá trị nghệ thuật cao về kiến trúc xây dựng, hiện vật thờ cúng và nghi thức cúng tế (phí vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam.

Hiện nay, Chùa Thiên Phước được Ban trị sự bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện của nhân dân và là địa điểm tham quan của du khách.

DI TÍCH “CHÙA CHÂU HƯNG”

Chùa Châu Hưng là cơ sở tôn giáo Phật giáo thuộc phái Phật giáo Đại thừa, (hệ phái Bắc tông), thờ cúng hội đồng chư Phật (bao gồm cả tôn giáo và tính ngưỡng dân gian).

Chùa Châu Hưng từng là cơ sở của Cách Mạng, là nơi nuôi dưỡng, tiếp tế lương thực, cung cấp tình hình địch và là điểm hội họp của cán bộ - chiến sĩ ta trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc xâm lược.

Chùa Châu Hưng tọa lạc tại số 37, đường Cây Keo, khu phố 1, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Chùa Châu Hưng được tạo lập năm 1844 với kết cấu đơn sơ, qua nhiều lần trùng tu sửa chữa, Chùa được xây dựng mới hoàn toàn vào năm 2006 đến năm 2009 thì hoàn thành; với diện tích xây dựng 365 mét vuông trên tổng diện tích 5.796 mét vuông đất.

Chùa Châu Hưng là di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích theo Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 18/8/2011 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Có nhiều hiện vật thờ cúng có giá trị nghệ thuật cao và nghi thức cúng tế (phỉ vật thể) mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc tính ngưỡng dân gian Việt Nam và là địa chỉ cách mạng nổi tiếng của Thủ Đức.

Hiện nay, Chùa Châu Hưng được Ban trị sự bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích, là nơi thể hiện sự tôn kính, khẩn nguyện của nhân dân và là địa điểm tham quan của du khách.

DI TÍCH

“MỘ TIỀN HIỀN TẠ DƯƠNG MINH”

Mộ Tiền hiền Tạ Dương Minh là tọa lạc tại đường 10, khu phố 4, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh; Mộ được Hương chức thôn Linh Chiểu Đông lập bia vào ngày tốt tháng 02 năm Canh Dần (1890). Khuôn viên mộ có diện tích xây dựng 112,6 mét vuông.

Theo thông tin trên bia mộ Tiền hiền Tạ Dương Minh ghi: mộ ông họ Tạ, tên húy là Huy, tên hiệu là Thủ Đức, là tiền hiền thôn Linh Chiểu Đông. Chết ngày 19/6 không rõ năm; Ông là người có công khai sáng vùng đất Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh ngày nay, tên hiệu của ông được đặt tên quận Thủ Đức ngày nay.

Hiện nay các bài vị, án thờ ông được lưu giữ tại đình Linh Đông thuộc phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức; tại đường Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức có 01 miếu thờ ông (đã xuống cấp nhiều, chính quyền đang từng bước tôn tạo và xếp hạng di tích)

Mộ Tiền hiền Tạ Dương Minh là di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích theo Quyết định số 3266/QĐ-UBND ngày 27/7/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Mộ Tiền hiền Tạ Dương Minh được Ban quản lý (do Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu) bảo quản, tôn tạo và phát huy tốt giá trị di tích.

PHẦN II. CÁC ĐỊA CHỈ ĐỎ

ĐỀ - PÔ XE LỬA DĨ AN

Tại Đề-Pô xe lửa Dĩ An, ngay từ tháng 01/1930, đã có một chi bộ Cộng sản đầu tiên ra đời do đồng chí Nguyễn Đức Thiệu làm bí thư. Đến tháng 3/1930, chi bộ trực thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam. Trải qua 3 lần tan rã do giặc Pháp đàn áp nhưng chi bộ đảng vẫn tiếp tục tái lập và lãnh đạo nhân dân đấu tranh bền bỉ, liên tục từ Cao trào cách mạng (1930 – 1931) đến thời kỳ vận động xây dựng Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 – 1939). Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, ngày 01/5/1930 công nhân Đề - Pô xe lửa Dĩ An đã đứng lên đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, không đánh đập công nhân... Ngày 22/4/1940, chi bộ lãnh đạo công nhân biểu tình, bao vây phản đối bọn chủ đánh đập thợ. Các cuộc đấu tranh này tuy đều bị địch dập tắt nhưng đã tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân các cơ sở cao su trong huyện; mở màn cho phong trào đấu tranh của công nhân trong toàn huyện như: Tăng Nhơn Phú, Linh Xuân, Tam Bình, An Bình, ...

CHIẾN KHU B – C

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp năm 1946, Huyện ủy Thủ Đức được Tỉnh ủy Gia Định chỉ thị mở rộng phạm vi hoạt động xuống các xã vùng bưng; đồng thời, xây dựng Chính quyền và Mặt trận ở các xã đó. Trên cơ sở mở rộng vùng bưng, Thủ Đức đã xây dựng căn cứ kháng chiến: Chiến khu B (Long Phước thôn) và Chiến khu C (xã Long Trường).

ĐỀN TƯỢNG NIỆM BẾN NỌC

Trong thời gian từ năm 1946 – 1947, giặc Pháp thường xuyên tổ chức nhiều cuộc càn quét bắt bớ đồng bào, cán bộ, chiến sĩ ta. Có những đợt càn, chúng đốt cháy một lúc 180 nóc nhà, bắt trên 700 đồng bào ta. Trong đó có cả cụ già, trẻ em, phụ nữ có thai, rồi chặt đầu, mổ bụng, đem xác đổ xuống sông Bến Nọc.

Năm 2009, Thành phố Hồ Chí Minh đã cho xây dựng Đền tưởng niệm Bến Nọc trên đường Lê Văn Việt, khu phố 5, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để ghi nhớ nỗi đau này và cũng để vinh danh sự hy sinh cao cả của những người đã ngã xuống vì nền độc lập của dân tộc.

CĂN CỨ VÙNG BUNG 6 XÃ

(Di tích lịch sử Căn cứ Vùng bung 6 Xã)

Là Căn cứ Chiến khu C (xã Long Trường) trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, sang thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được mở rộng ra thêm 05 xã, bao gồm: Phú Hữu, Phước Long, Bình Trưng, An Phú, Tăng Nhơn Phú. Tên gọi “Bung 6 xã” phổ biến từ năm 1960, dần dần trở thành tên chính thức của vùng đất bung biển phía Nam huyện Thủ Đức.

TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG CÁNH BẮC THỦ ĐỨC

Tượng đài Chiến thắng cánh Bắc Thủ Đức được xây dựng năm 1994 tại Căn cứ Bình Phú trước đây (Địa chỉ: Đường Bình Phú, khu phố I, phường Tam Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Bình Phú là một trong những căn cứ của lực lượng kháng chiến ở cánh Bắc Thủ Đức, được xây dựng từ thời kháng chiến chống Pháp, nhằm tạo thế xen kẽ, thế “cài răng lược” giữa ta và địch. Căn cứ Bình Phú nằm ngay sát trung tâm Thị trấn Thủ Đức, nơi gần nhất cách trung tâm Thủ Đức chỉ khoảng hơn 01 km tính theo đường chim bay. Căn cứ Bình Phú bị bao vây xung quanh bởi các đồn bót, các căn cứ quân sự của địch và các trục đường như: Quốc lộ 1, Quốc lộ 13 và Liên tỉnh lộ 43.

Công trình Tượng đài Chiến thắng cánh Bắc Thủ Đức được khởi công xây dựng vào năm 1994. Kể từ đó, hàng năm vào các ngày lễ lớn của đất nước, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện, quận và thành phố Thủ Đức (tên gọi theo từng giai đoạn) đều tổ chức các đoàn đến dâng hoa, niêm hương tưởng nhớ, ghi ơn đồng bào và cán bộ, chiến sĩ ta đã ngã xuống trên mảnh đất thân yêu này. Nơi đây cũng là điểm đến thường xuyên của đoàn viên, hội viên Thủ Đức trong những chuyến hành trình “Về nguồn”, học tập truyền thống địa phương, ...

TƯỢNG ĐÀI CHIẾN THẮNG CÁNH NAM THỦ ĐỨC

Trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, các đơn vị, lực lượng thường trực của ta đóng tại khu vực Vùng Bung 6 xã gồm có: Huyện ủy huyện Nam Thủ Đức, bộ đội địa phương, Tiểu đoàn 4 – Nam Thủ Đức, Đại đội K20 – Quân y tiền phương, Đội biệt động Thành Sài Gòn – Gia Định, Trung đoàn 1 – Pháo binh ĐKB của Quân khu;

các chi bộ Đảng, các đơn vị du kích của 6 xã vùng bung và một số đơn vị như: Thanh vận, Phụ vận, Công vận... của huyện Nam Thủ Đức.

Đặc biệt, trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975; căn cứ Bung 6 xã là nơi các lực lượng vũ trang của ta phát lệnh tấn công đánh chiếm các vị trí chiến lược quan trọng như: Liên trường Võ bị sĩ quan Thủ Đức, cầu Sài Gòn, cầu Rạch Chiếc và Xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa (nay là Xa lộ Hà Nội), tạo điều kiện thuận lợi cho đại quân của ta tiến vào giải phóng Sài Gòn vào ngày 30/4/1975 lịch sử.

Qua 21 năm trụ vững trên chiến trường (1954 - 1975), đương đầu trực tiếp với quân xâm lược Mỹ và chính quyền tay sai, Quân và Dân Vùng Bung 6 xã đã đánh trên 1.300 trận lớn, nhỏ; tiêu diệt và làm bị thương trên 10.000 tên địch (trong đó có 2.000 lính Mỹ và 300 lính Nam Triều Tiên); làm tan rã hàng ngũ trên 2.000 tên; bắt đầu hàng trên 1.000 tên. Đồng thời, lực lượng của ta cũng đã bắn rơi 30 máy bay địch, bắn cháy 150 xe tăng, xe bọc thép và xe quân sự, 45 tàu và bo bo chiến đấu.

Nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào về truyền thống đấu tranh anh dũng của thế hệ cha ông cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ Thủ Đức; năm 1995, Huyện ủy và UBND huyện Thủ Đức đã quyết định chọn một trong những địa điểm tiêu biểu nhất trong căn cứ Vùng Bung 6 xã, từng là chiến khu C, là xã Long Trường để khởi công xây dựng công trình “Tượng đài Chiến thắng cánh Nam Thủ Đức” cùng với nhà bia ghi danh các anh hùng-liệt sĩ và từ trần của huyện Thủ Đức (tọa lạc tại khu vực gần cầu Tăng Long nằm trên tuyến đường Lã Xuân Oai, khu phố Phước Hiệp, phường Long Trường, thành phố Thủ Đức).

TRƯỜNG LASAN MOSARD THỦ ĐỨC
(nay là Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

Ngày 30/4/1945, sau khi giành chính quyền xong, lực lượng cách mạng thành lập Ban Quân quản để lo bảo đảm an ninh trật tự, thu gom chiến lợi phẩm, tiếp nhận đăng ký trình diện cho bọn tề, lính nguy, thực hiện công tác vệ sinh đường phố; đồng thời, phải nhanh chóng xây dựng các ban ngành, bộ đội huyện và du kích xã.

Ngày 08/6/1975, tại sân trường Lasan Mosard Thủ Đức (nay là Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức), có trên 30 ngàn người đại diện cho các tầng lớp nhân dân huyện Thủ Đức hân hoan dự lễ ra mắt chính quyền, chào mừng các thành viên Ủy ban nhân dân cách mạng gồm: Đồng chí Nguyễn Văn Mỹ (Chủ tịch), Nguyễn Văn Mạnh (Phó Chủ tịch).

CĂN HẦM BÍ MẬT TRONG NHÀ ÔNG TẠ KIM BA

Nhà ông Tạ Kim Ba ở khu phố 3, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn hầm bí mật do ông đào trong chính căn phòng khách của gia đình vào năm 1963 để nuôi giấu những cán bộ Huyện ủy Thủ Đức hoạt động trong lòng địch (1964 – 1972). Nơi đây từng là Văn phòng của cơ quan huyện ủy Cảnh Bắc Thủ Đức trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.

Căn hầm này đã từng nuôi giấu những cán bộ Huyện ủy Thủ Đức: Đồng chí Nguyễn Văn Bảo, nguyên Bí thư Huyện ủy Dĩ An; đồng chí Nguyễn Văn Mạnh, nguyên Bí thư Huyện ủy Bắc Thủ Đức; đồng chí Võ Ngọc Lâm, nguyên Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Thủ Đức phụ trách an ninh.

CĂN HẦM BÍ MẬT TẠI CHÙA TÂN THÀNH (Nhà ông Nguyễn Văn Đắc – tên thường gọi là ông Tư Đắc)

Chùa Tân Thành (nơi cư ngụ của gia đình ông Nguyễn Văn Đắc - thường gọi là ông Tư Đắc) tọa lạc tại khu phố 2, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước kia chùa Tân Thành vốn là một ngôi nhà tranh, vách lá đơn sơ. Đến năm 1932, chùa được trùng tu bằng vật liệu gạch. Trong chùa, có một bàn thờ phật, dưới bàn thờ là căn hầm bí mật nuôi giấu các đồng chí cán bộ Huyện đội Huyện Bắc Thủ Đức và du kích của ta.

Năm 1972 do địch ném bom, đánh pháo vào các khu vực xung quanh chùa nên tường bị nứt, gia đình ông Tư Đắc buộc phải dời chùa tới vị trí hiện nay. Ngôi chùa mới được xây theo kiểu “một trệt, một lầu”: Tầng trệt được sử dụng làm nơi ở, phòng khách và bếp; tầng lầu được ông sử dụng làm nơi thờ Phật.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, chùa Tân Thành là trụ sở của cơ quan Huyện đội Thủ Đức. Vợ chồng ông Tư Đắc đã sử dụng chính phía dưới bệ thờ Phật làm căn hầm bí mật để nuôi giấu các đồng chí cán bộ Huyện đội và các chiến sỹ du kích của ta.

DINH QUẬN TRƯỞNG THỦ ĐỨC (Sau giải phóng 30/04/1975, là Trụ sở của Ban Chỉ huy quân sự huyện Thủ Đức)

Sáng 30/4/1975, tiếng súng vang dội khắp nơi, đồng chí Nguyễn Văn Mạnh – Bí thư Huyện ủy huyện Bắc Thủ Đức đã lãnh đạo lực lượng cánh Bắc Thủ Đức giương cờ, phát loa buộc địch ở Bót Mới và khu vực người Bắc di cư ở xã Tam Bình đầu hàng. Sau đó, đồng chí Nguyễn Văn Mạnh tiếp tục chỉ huy lực lượng cánh Bắc Thủ Đức vào tiếp quản Dinh Quận trưởng Thủ Đức.

NHÀ TÙ PHỤ NỮ THỦ ĐỨC **(Sau là Trung tâm cải huấn Thủ Đức)**

Trại giam Thủ Đức được xây dựng từ thời Pháp thuộc (1945 – 1946). Đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, chế độ Sài Gòn tiếp quản trại giam và đặt tên là “Trung tâm cải huấn Thủ Đức”. Nơi đây chỉ sử dụng để giam giữ nữ tù chính trị, cho nên còn có tên gọi là “Nhà tù Phụ nữ Thủ Đức”.

Tại đây trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ có rất nhiều nữ cán bộ, chiến sĩ của ta đã bị địch giam giữ và sát hại, tiêu biểu như nữ anh hùng liệt sĩ Đặng Thị Rành, người con của quê hương xã Hiệp Bình, Huyện Thủ Đức. Chị hi sinh khi vừa tròn 17 tuổi. Sau này, đồng chí Đặng Thị Rành đã được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Sau năm 1975, Bộ Công an tiếp quản nhà tù Phụ nữ Thủ Đức để sử dụng làm Trường Trung học Cảnh sát 6 (Sau này đổi thành Cao đẳng Cảnh sát 2). Hiện nay, trường Cao đẳng cảnh sát 2 nằm trên đường Đặng Văn Bi, khu phố 4, Phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

HẦM GIAM CÁC CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG **(Dưới tầng hầm Nhà truyền thống Thủ Đức)**

Nhà Truyền thống cũ trước đây do một doanh nhân xây vào khoảng đầu thế kỷ 20, dùng để ở kết hợp kinh doanh vàng bạc, đá quý và đồ trang sức nên đặt tên là “Tiệm vàng Kim Thành”.

Cùng với việc xây dựng căn nhà, chủ nhân đã cho xây một căn hầm chìm sâu dưới lòng đất, không rõ căn hầm này được xây với mục đích gì. Hầm rộng khoảng 10 mét vuông, 4 vách tường được xây bằng đá xanh granite, vách bên hông thông ra ngoài có các lỗ châu mai.

Khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Bộ và sau đó tấn công, đánh chiếm Trung tâm Thị trấn Thủ Đức (tháng 12/1945), địch đã chiếm căn nhà và đóng chốt tại đây nên căn nhà có tên gọi mới là “Bót Kim Thành”. Căn hầm cũng được cải tạo lại để dùng làm nơi giam giữ tù nhân.

Trong thời gian từ 1946 đến 1954, cùng với lực lượng địch đóng tại Bót Dây Thép (xã Tăng Nhơn Phú), giặc Pháp đóng tại Bót Kim Thành thường xuyên tổ chức các cuộc ruồng bỏ, càn quét để bắt bớ cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta. Khi đưa cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta về Bót, giặc Pháp đã đánh đập, tra tấn hết sức dã man bằng mọi

hình thức tra tấn man rợ nhất như: “Đi tàu bay”, “đi tàu ngầm”, đóng đinh vào các khớp xương, cho điện giật... Mặc dù bị giặc tra tấn dã man, nhưng rất nhiều đồng bào, đồng chí của chúng ta đã dũng cảm chịu đựng, kiên quyết không chịu khuất phục trước kẻ thù và đã hy sinh anh dũng tại căn hầm này.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, căn nhà thuộc quyền quản lý của phòng An ninh quân đội chính quyền Việt Nam cộng hòa. Phía sau Bót Kim Thành và khu vực Trung tâm Văn hóa và Trung tâm Thể dục – Thể thao hiện nay) là trận địa pháo binh của địch. Giai đoạn này, căn nhà và hầm giam tiếp tục được địch sử dụng làm nơi hỏi cung, tra tấn và tạm giam đồng bào, cán bộ, chiến sĩ ta.

Danh sách một số cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta từng bị địch tra tấn, giam cầm tại Bót Kim Thành:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Mạnh, nguyên Bí thư Huyện ủy Huyện Bắc Thủ Đức bị địch bắt giam 02 lần: Lần I (năm 1947), lần II (cuối năm 1954).

2. Vợ chồng Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Hú: Mẹ sinh năm 1887, quê quán ở xã Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1946, do bị bọn tay sai Việt gian chỉ điểm, giặc Pháp biết vợ chồng Mẹ có 04 người con trai theo Việt Minh chống Pháp. Chúng đã bắt vợ chồng Mẹ cùng một số người dân khác đưa về bót Kim Thành giam giữ, tra tấn bằng mọi thủ đoạn tàn ác nhất nhưng vợ chồng Mẹ vẫn dũng cảm, không chịu khuất phục, không một lời khai báo. Cuối cùng, vào giữa năm 1947, địch quyết định đưa vợ chồng mẹ Hú cùng với một số người khác đến cầu Rạch Chiếc cũ xử bắn rồi quăng xác xuống sông.

3. Đồng chí Nguyễn Văn Khai, nguyên Chủ tịch UBND xã Phước Long, huyện Thủ Đức (nay là phường Phước Long B). Năm 1947, đồng chí Khai bị giặc Pháp bắt. Chúng đốt nhà, rồi đưa đồng chí về giam tại Bót Kim Thành. Bọn giặc dùng mọi thủ đoạn tra tấn đồng chí hết sức dã man nhưng đồng chí vẫn không chịu khuất phục, không khai báo một lời. Cuối cùng, chúng dùng đèn thủ đoạn hèn hạ nhất, cho đồng chí ăn thật no rồi thay nhau đá vào bụng cho đến khi đồng chí chết.

4. Ông Nguyễn Văn Điều (tự Tư An), là cháu ruột gọi đồng chí Nguyễn Văn Khai là cậu. Năm 1947, ông Điều bị bắt cùng một lượt với đồng chí Nguyễn Văn Khai và sau đó cùng bị giặc Pháp đưa về giam cầm, tra tấn tại bót Kim Thành.

NHÀ BIA GHI DANH LIỆT SĨ THỦ ĐỨC

Được xây dựng trong khuôn viên Nhà Truyền thống Thủ Đức, số 119 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức. Công trình này được khởi công xây dựng vào ngày 27/7/1997 và khánh thành vào ngày 30/4/1998. Tại đây ghi danh 2.443 liệt sĩ của Thủ Đức.

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THỦ ĐỨC

Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức (nay là Công ty Nhiệt điện Thủ Đức) nằm ở phía Đông bắc Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố 12 km, có tổng diện tích 16.38 ha.

Địa chỉ: Km số 09 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30/4/1975, công nhân nhà máy điện Thủ Đức đã bám máy, đấu tranh với địch bảo vệ cơ sở sản xuất, kịp thời tháo gỡ mìn do địch gài ở phân xưởng vận hành. Phân xưởng 3 thuộc phân xưởng lò hơi bị đạn cối nổ làm hỏng nặng, công nhân lập tức lao vào sửa chữa ngay và sau ba ngày hoạt động trở lại tăng công suất từ 3.900 kw lên 105.000kw.

NHÀ MÁY LỌC NƯỚC THỦ ĐỨC

Sáng ngày 30/4/1975, tại nhà máy lọc nước Thủ Đức Đảng viên bí mật tại nhà máy (đồng chí Nguyễn Văn Muôn) đã cắm cờ trên nóc cao nhất của nhà máy. Công nhân của nhà máy đã đổ xô ra nhìn cờ rồi cùng đồng thanh hô to “Quân giải phóng đã vào nhà máy rồi” nên bọn lính canh gác nhà máy hoảng hốt, vút súng bỏ chạy.

XA LỘ SÀI GÒN – BIÊN HÒA (nay là Xa lộ Hà Nội)

Xa lộ Biên Hòa là con đường nối liền Thành phố Hồ Chí Minh với Biên Hòa - Đồng Nai, được Mỹ đầu tư xây dựng từ năm 1957 đến năm 1961. Con đường này dài 31 km, bắt đầu từ Cầu Sài Gòn, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; kết thúc là nút giao cắt quốc lộ 1A tại ngã 3 Chợ Sặt, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa. Đây là một trong những con đường cửa ngõ dẫn đi vào nội ô Thành phố Hồ Chí Minh khi đi từ các tỉnh miền Đông Nam bộ, miền Trung và miền Bắc Việt Nam.

Tại thời điểm xây dựng, xa lộ này được cho là còn có thể sử dụng làm đường bay quân sự dã chiến, tuy nhiên năm 1971 nó đã được xây vách ngăn giữa tim đường phân đôi xa lộ thành 2 chiều riêng biệt để giảm tai nạn giao thông. Ban đầu, chiều ngang xa lộ rộng 21m, đến thời điểm hiện nay đã được mở rộng thành 142 m.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, lữ đoàn tăng thiết giáp 203 của Quân đoàn 02 đã theo Xa lộ Biên Hòa tiến vào giải phóng Sài Gòn ngày 30/4/1975.

BIA TƯỢNG NIỆM CÁC CHIẾN SĨ CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ CẦU RẠCH CHIẾC

Cầu Rạch Chiếc nằm ở vị trí km số 07 + 263 trên Xa Lộ Hà Nội, thuộc Quốc lộ 1, con đường xuyên Việt lớn nhất Việt Nam. Năm 1957, để mở rộng cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, Mỹ Ngụy đã cho xây dựng Xa lộ Sài Gòn – Biên Hòa dài hơn 30km. Trên chiều dài hơn 30km của xa lộ có 3 đoạn bị chia cắt bởi sông rạch, cần có những cây cầu đảm bảo lưu thông liên mạch đó là sông Sài Gòn, vàm Rạch Chiếc, sông Đồng Nai

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, trận cầu Rạch Chiếc là một trong những trận đánh quyết liệt nhất. Vào đêm 27, rạng sáng ngày 28/4/1975, tại đây đã diễn ra trận chiến giữa lực lượng của ta với các lực lượng tử thủ của ngụy quân Sài Gòn. Sau ba ngày đêm chiến đấu trong điều kiện vô cùng ác liệt, gian khổ, những chiến sĩ trong 03 đơn vị D.81, Z.22, Z.23 của Lữ đoàn 316 đặc công biệt động đã cùng lực lượng quân và dân tại chỗ của huyện Thủ Đức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên, 52 cán bộ, chiến sĩ của ta đã anh dũng hy sinh ngay trước cửa ngõ Sài Gòn. Chiến thắng Rạch Chiếc góp phần tạo bàn đạp cho cánh Đông quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, thống nhất đất nước vào trưa ngày 30/4/1975.

Sau nhiều năm sử dụng, cầu đã xuống cấp, không còn đáp ứng được lưu lượng phương tiện ngày càng tăng trên Xa lộ Hà Nội nên vào ngày 19/9/2009, cầu Rạch Chiếc mới đã được khởi công xây dựng để thay thế cây cầu cũ. Cầu mới có chiều dài 736 m, chiều rộng là 48 m với 10 làn xe, gồm 3 nhánh cầu riêng biệt với hai nhánh biên, mỗi bên rộng 9.8 m, nhánh giữa rộng 26,5 m. Công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 10/07/2012.

TRẬN ĐÁNH CHIẾM CẦU SÀI GÒN (Vào rạng sáng ngày 28/04/1975)

Cầu Sài Gòn (trước năm 1975 có tên gọi là cầu Tân Cảng) là một trong những cây cầu bắc qua sông Sài Gòn, nối đường Điện Biên Phủ (quận Bình Thạnh) với Xa lộ Hà Nội (thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến khi đường hầm Thủ Thiêm được xây dựng xong thì đây vẫn là cửa ngõ chính để vào nội ô Thành phố Hồ Chí Minh từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc Việt Nam.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã chỉ đạo bộ đội địa phương huyện Thủ Đức tổ chức đánh chiếm cây cầu này vào rạng sáng ngày 28/4/1975.

ĐỀN TƯỞNG NIỆM ANH HÙNG LIỆT SỸ BÌNH TRUNG

Tọa lạc tại số 198, đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức.

Đền tưởng niệm anh hùng liệt sỹ Bình Trưng được khánh thành và đưa vào hoạt động vào ngày 31/3/2009. Đây là nơi thờ 162 anh hùng liệt sỹ Quận 2 (trước đây) đã hy sinh trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ và biên giới Tây Nam.

Hiện nay, Trung tâm Văn hóa thành phố Thủ Đức là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và tổ chức các hoạt động tại Đền như: Đón tiếp nhân dân, thân nhân liệt sỹ đến thăm viếng, tổ chức dâng hương, thắp nến tri ân vào các dịp lễ, tết như: 30/4, 27/7. 02/9...

PHẦN III. CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM NHỮNG CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM CỦA THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

I. GIAI ĐOẠN TRƯỚC NĂM 2021

1. Các công trình thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hóa, giáo dục:

- Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn 2010 - 2020 thu hút trên 7 tỷ USD đầu tư và xuất khẩu 77 tỷ USD),
- Cụm Đại học phía Đông Thành phố với hơn 100.000 sinh viên và 12.000 giảng viên, trong đó có hơn 2.000 giảng viên trình độ tiến sĩ),

2. Nhóm 08 dự án giao thông trọng điểm đã được triển khai thực hiện

- Metro số 1: Bến Thành - Suối Tiên
- Dự án Vành đai 2
- Đường Vành đai 3
- Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội
- Nút giao thông Mỹ Thủy
- Nút giao An Phú
- Cầu Thủ Thiêm 2
- Bến xe miền Đông mới

3. Mục tiêu

***Mục tiêu tổng quát đến năm 2025:** xây dựng và phát triển thành phố Thủ Đức “trở thành đô thị thông minh, sáng tạo; có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình; phát triển nhanh, bền vững”.

*** Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:** đầu tư phát triển 08 khu chức năng, gồm:

1. Trung tâm tài chính gắn với Khu đô thị mới Thủ Thiêm
2. Trung tâm liên hợp thể dục, thể thao Rạch Chiếc
3. Trung tâm sản xuất ứng dụng công nghệ cao – Khu Công nghệ cao
4. Trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ - Khu Đại học Quốc gia Thành phố
5. Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo
6. Trung tâm công nghệ sinh thái – Khu vực Tam Đa và Long Phước
7. Trung tâm giao thông kết nối vùng Đông Nam bộ và cảng Cát Lái – Phú Hữu
8. Khu đô thị sáng tạo Trường Thọ

II. CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Nhóm 09 công trình, dự án trọng điểm kiến nghị Thành phố Hồ Chí Minh ưu tiên bố trí vốn

- Xây dựng hệ thống thoát nước đường Võ Văn Ngân
- Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Mỹ Thủy)
- Xây dựng đường Nguyễn Duy Trinh (từ cầu Giồng Ông Tố đến cầu Xây dựng).
- Nâng cấp, mở rộng đường Lã Xuân Oai (từ đoạn giao với đường Lê Văn Việt đến giao đường D2)
- Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Hữu Nam (đoạn từ Bến xe Miền Đông mới đến nút giao với Xa Lộ Hà Nội)
- Nâng cấp đường Lê Văn Chí
- Nâng cấp cầu Long Đại (tên cũ là cầu Phước Thiện)
- Xây dựng đường và cầu Bà Cả
- Nâng cấp đường Lê Văn Việt (đoạn từ ngã tư Thủ Đức đến ngã ba Lã Xuân Oai)

2. Nhóm 07 chương trình, đề án đặc thù của thành phố Thủ Đức

- Xây dựng đề án cơ chế đặc thù cho thành phố Thủ Đức.
- Xây dựng Đề án phân cấp ủy quyền cho Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 34 phường.
- Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Thủ Đức.
- Đề án xây dựng đô thị thông minh, chuyển đổi số tại thành phố Thủ Đức.
- Đề án sắp xếp khu phố, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Thủ Đức.
- Xây dựng đồ án quy hoạch chung thành phố Thủ Đức.
- Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin 5G để hiện đại hóa nền hành chính công và quản trị chính quyền thành phố Thủ Đức

3. Một trong những công trình trọng tâm xây dựng phát triển Thành phố Thủ Đức đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

**** Thủ Đức tham gia hình thành và phát triển thành Khu đô thị sáng tạo, tương tác cao phía Đông Thành phố Hồ Chí Minh với 08 trung tâm trọng điểm:***

- Khu Công nghệ cao - Trung tâm sản xuất tự động hóa
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm công nghệ giáo dục;
- Khu Thủ Thiêm - Trung tâm công nghệ tài chính

- Khu Rạch Chiếc - Trung tâm liên hợp thể dục, thể thao
 - Khu Tam Đa - Trung tâm Công nghệ sinh thái
 - Khu Trường Thọ - Khu Đô thị sáng tạo
 - Trung tâm giao thông kết nối vùng Đông Nam bộ và cảng Cát Lái – Phú Hữu
 - Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo lớn nhất Việt Nam
-